

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ VÀ QTKD

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 675 /QĐ-ĐHKT&QTKD-ĐT

Thái Nguyên, ngày 15 tháng 6 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
V/v công nhận tốt nghiệp hệ đại học chính quy

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ VÀ QUẢN TRỊ KINH DOANH

Căn cứ Quyết định số 136/2004/QĐ-TTg ngày 02/08/2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh thuộc Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Nghị quyết số 27/NQ-ĐHKT&QTKD-HĐT ngày 29 tháng 4 năm 2021 của Hội đồng Trường về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh, Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 14/QĐ-ĐHKT&QTKD-ĐT ngày 05 tháng 01 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh về việc ban hành Quy định đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh;

Căn cứ Quyết định số 1012/QĐ-ĐHKT&QTKD-ĐT ngày 30 tháng 8 năm 2024 của Hiệu trưởng trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh về việc ban hành “Quy định về đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ của trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh”;

Căn cứ kết luận cuộc họp Hội đồng xét tốt nghiệp hệ đại học chính quy đợt 2 năm 2026 ngày 12 tháng 6 năm 2026 của Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh;

Theo đề nghị của Trường phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận và cấp bằng tốt nghiệp cho 595 sinh viên hệ đại học chính quy, đợt 2 năm 2026 (Có phụ lục và danh sách sinh viên tốt nghiệp kèm theo).

Điều 2. Trường phòng Đào tạo, Trường phòng Công tác – HSSV, các đơn vị liên quan và các sinh viên có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.!

Nơi nhận:

- BGH (để c/đ);
- Như Điều 2 (để t/h);
- Lưu: VT, ĐT.

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. Đinh Hồng Linh

PHỤ LỤC

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-ĐHK&QTKD-ĐT ngày tháng năm 2026
của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh)

Hạng tốt nghiệp	Xuất sắc	Giỏi	Khá	Trung bình	Tổng số sinh viên tốt nghiệp
Ngành đào tạo					
Kế toán	24	46	111	21	202
Quản trị kinh doanh	3	10	55	16	84
Kinh tế	2	6	15	1	24
Kinh tế đầu tư	1	1	9	5	16
Kinh tế phát triển	0	1	2	0	3
Kinh doanh quốc tế	0	3	6	0	9
Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	1	0	9	1	11
Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	1	10	20	1	32
Marketing	2	16	64	15	97
Quản lý công	2	3	9	2	16
Luật kinh tế	2	8	16	5	31
Tài chính - Ngân hàng	2	14	42	12	70
Tổng số	40	118	358	79	595

DANH SÁCH SINH VIÊN HỆ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐỢT 2 NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-ĐHKT&QTKD - ĐT ngày tháng năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế và QTKD)

STT	Mã số sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp	Ngành đào tạo	Chương trình đào tạo	Số tín chỉ tích lũy	Điểm trung bình chung tích lũy hệ 10	Điểm trung bình chung tích lũy hệ 4	Xếp hạng tốt nghiệp	Ghi chú
1	DTE1873403010350	Phạm Thu Phương	15/05/2000	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K15 - Kế toán Tổng hợp B	Kế toán	Kế toán tổng hợp	126	6,85	2,4	Trung bình	
2	DTE1873403010082	Ngô Thị Thu Hà	07/05/2000	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K15 - Kế toán Tổng hợp E	Kế toán	Kế toán tổng hợp	131	6,72	2,42	Trung bình	
3	DTE1953403010024	Phí Huyền Diệu	27/09/2001	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K16 - Kế toán Tổng hợp A	Kế toán	Kế toán tổng hợp	127	6,9	2,57	Khá	
4	DTE1953403010168	Nguyễn Thu Trang	07/01/2001	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K16 - Kế toán Tổng hợp A	Kế toán	Kế toán tổng hợp	127	6,61	2,2	Trung bình	
5	DTE1953403010175	Mã Văn Tuyên	06/01/2001	Thái Nguyên	Nam	Nùng	K16 - Kế toán Doanh nghiệp A	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	127	6,26	2,01	Trung bình	
6	DTE2053403010015	Đỗ Thị Ngọc Anh	02/05/2002	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K17 - Kế toán Tổng hợp Chất lượng cao	Kế toán	Kế toán tổng hợp chất lượng cao	125	7,08	2,61	Khá	
7	DTE2153403010357	Hoàng Thu Chang	11/04/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - Kế toán Tổng hợp Chất lượng cao	Kế toán	Kế toán tổng hợp chất lượng cao	125	8,4	3,54	Giỏi	
8	DTE2153403010496	Nguyễn Minh Huyền	19/12/2003	Thái Nguyên	Nữ	Tày	K18 - Kế toán Tổng hợp Chất lượng cao	Kế toán	Kế toán tổng hợp chất lượng cao	125	8,15	3,22	Giỏi	
9	DTE2153403010375	Phạm Chi Lan	30/07/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - Kế toán Tổng hợp Chất lượng cao	Kế toán	Kế toán tổng hợp chất lượng cao	125	8,71	3,7	Xuất sắc	
10	DTE2153403010354	Nguyễn Thanh Trang	13/06/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - Kế toán Tổng hợp Chất lượng cao	Kế toán	Kế toán tổng hợp chất lượng cao	125	8,85	3,82	Xuất sắc	
11	DTE2153403010453	Võ Ngọc Huyền Trâm	06/11/2003	Long An	Nữ	Kinh	K18 - Kế toán Tổng hợp Chất lượng cao	Kế toán	Kế toán tổng hợp chất lượng cao	125	7,7	3,05	Khá	
12	DTE2153403010084	Hoàng Văn Anh	03/07/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - KẾ TOÁN B	Kế toán	Kế toán	128	7,48	2,85	Khá	
13	DTE2153403010528	Vũ Thị Thanh Huyền	07/08/2003	Hà Nội	Nữ	Kinh	K18 - KẾ TOÁN B	Kế toán	Kế toán	125	6,55	2,2	Trung bình	
14	DTE2153403010539	Nguyễn Thị Minh Thảo	05/11/2002	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - KẾ TOÁN B	Kế toán	Kế toán	125	7,46	2,81	Khá	
15	DTE2253403010120	Dương Thị Ngọc Ánh	17/07/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - KẾ TOÁN A	Kế toán	Kế toán	125	7,31	2,82	Khá	
16	DTE2253403010172	Hoàng Thị Minh Ánh	25/03/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - KẾ TOÁN A	Kế toán	Kế toán	125	7,68	3,07	Khá	
17	DTE2253403010178	Dương Ngọc Bích	24/10/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - KẾ TOÁN A	Kế toán	Kế toán	125	7,64	2,9	Khá	
18	DTE2253403010123	Phạm Linh Chi	12/08/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - KẾ TOÁN A	Kế toán	Kế toán	125	8,12	3,26	Giỏi	
19	DTE2253403010384	Vũ Thị Huyền Diệu	11/04/2004	Thái Bình	Nữ	Kinh	K19 - KẾ TOÁN A	Kế toán	Kế toán	125	6,27	2,04	Trung bình	

Số và ký hiệu: 675/QĐ-ĐHK&QT&KT-ĐT
 Ngày ban hành: 15/06/2026

STT	Mã số sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp	Ngành đào tạo	Chương trình đào tạo	Số tín chỉ tích lũy	Điểm trung bình chung tích lũy hệ 10	Điểm trung bình chung tích lũy hệ 4	Xếp hạng tốt nghiệp	Ghi chú
20	DTE2253403010333	Dương Thị Duyên	28/02/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - KẾ TOÁN A	Kế toán	Kế toán	125	7,18	2,7	Khá	
21	DTE2253403010031	Nguyễn Anh Đào	21/01/2004	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	K19 - KẾ TOÁN A	Kế toán	Kế toán	125	6,82	2,52	Khá	
22	DTE2253403010128	Nguyễn Thị Thu Hà	30/06/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - KẾ TOÁN A	Kế toán	Kế toán	125	7,43	2,8	Khá	
23	DTE2253403010021	Vũ Trà My	22/05/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - KẾ TOÁN A	Kế toán	Kế toán	125	6,73	2,39	Trung bình	
24	DTE2253403010045	Bùi Thị Kim Hoàn	11/06/2004	Bắc Giang	Nữ	Kinh	K19 - KẾ TOÁN A	Kế toán	Kế toán	125	7,17	2,66	Khá	
25	DTE2253403010047	Lê Lan Hương	15/09/2004	Bắc Giang	Nữ	Kinh	K19 - KẾ TOÁN A	Kế toán	Kế toán	125	8,22	3,26	Giỏi	
26	DTE2253403010134	Nguyễn Mai Hương	21/09/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - KẾ TOÁN A	Kế toán	Kế toán	125	7,68	3,12	Khá	
27	DTE2253403010347	Trần Thị Linh Khánh	07/10/2003	Hà Nam	Nữ	Kinh	K19 - KẾ TOÁN A	Kế toán	Kế toán	125	6,96	2,58	Khá	
28	DTE2253403010349	Lê Khánh Linh	28/11/2004	Bắc Giang	Nữ	Kinh	K19 - KẾ TOÁN A	Kế toán	Kế toán	125	7,67	3,06	Khá	
29	DTE2253403010019	Nguyễn Hồng Linh	14/09/2004	Hà Nội	Nữ	Kinh	K19 - KẾ TOÁN A	Kế toán	Kế toán	125	6,96	2,52	Khá	
30	DTE2253403010100	Lăng Thị Hương Ly	06/08/2004	Thái Nguyên	Nữ	Nùng	K19 - KẾ TOÁN A	Kế toán	Kế toán	125	7,86	3,16	Khá	
31	DTE2253403010141	Giản Tuyết Mai	12/11/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - KẾ TOÁN A	Kế toán	Kế toán	125	8,12	3,22	Giỏi	
32	DTE2253403010142	Nguyễn Trà My	06/06/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - KẾ TOÁN A	Kế toán	Kế toán	125	8,27	3,42	Giỏi	
33	DTE2253403010143	Nguyễn Thảo Ngọc	23/10/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - KẾ TOÁN A	Kế toán	Kế toán	125	7,49	2,97	Khá	
34	DTE2253403010104	Nguyễn Linh Nhi	26/03/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - KẾ TOÁN A	Kế toán	Kế toán	125	8,57	3,58	Giỏi	
35	DTE2253403010055	Đặng Thị Kim Oanh	24/10/2004	Thái Nguyên	Nữ	Sán Diu	K19 - KẾ TOÁN A	Kế toán	Kế toán	125	7,86	3,14	Khá	
36	DTE2253403010394	Ngô Thị Thúy	01/12/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - KẾ TOÁN A	Kế toán	Kế toán	125	7,4	2,8	Khá	
37	DTE2253403010004	Nguyễn Hà Tiên	19/06/2004	Hà Nội	Nữ	Kinh	K19 - KẾ TOÁN A	Kế toán	Kế toán	125	6,65	2,3	Trung bình	
38	DTE2253403010373	Lê Hương Trà	10/10/2004	Tuyên Quang	Nữ	Tày	K19 - KẾ TOÁN A	Kế toán	Kế toán	125	7,1	2,63	Khá	
39	DTE2253403010300	Nguyễn Thu Trang	05/08/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - KẾ TOÁN A	Kế toán	Kế toán	125	8,41	3,46	Giỏi	
40	DTE2253403010376	Nguyễn Thuỳ Trang	01/09/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - KẾ TOÁN A	Kế toán	Kế toán	125	7,84	3,17	Khá	
41	DTE2253403010067	Lê Thị Vân Anh	27/06/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - KẾ TOÁN B	Kế toán	Kế toán	126	7,71	2,96	Khá	
42	DTE2253403010071	Mông Thị Ngọc Ánh	14/09/2004	Thái Nguyên	Nữ	Tày	K19 - KẾ TOÁN B	Kế toán	Kế toán	125	7,29	2,76	Khá	
43	DTE2253403010074	Trịnh Thanh Bình	11/11/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - KẾ TOÁN B	Kế toán	Kế toán	125	7,2	2,68	Khá	

Số và ký hiệu: 675/QĐ-ĐHK&QT&ĐT
 Ngày ban hành: 15/06/2026

STT	Mã số sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp	Ngành đào tạo	Chương trình đào tạo	Số tín chỉ tích lũy	Điểm trung bình chung tích lũy hệ 10	Điểm trung bình chung tích lũy hệ 4	Xếp hạng tốt nghiệp	Ghi chú
44	DTE2253403010075	Nguyễn Thị Kim Chi	30/03/2004	Thái Nguyên	Nữ	Tày	K19 - KẾ TOÁN B	Kế toán	Kế toán	125	7,9	3,14	Khá	
45	DTE2253403010078	Nguyễn Thùy Dương	22/06/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - KẾ TOÁN B	Kế toán	Kế toán	125	9,12	3,9	Xuất sắc	
46	DTE2253403010077	Vũ Thùy Dương	19/12/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - KẾ TOÁN B	Kế toán	Kế toán	125	7,59	2,96	Khá	
47	DTE2253403010079	Phạm Thị Trà Giang	24/10/2004	Thái Nguyên	Nữ	Sán Diều	K19 - KẾ TOÁN B	Kế toán	Kế toán	125	7,18	2,62	Khá	
48	DTE2253403010041	Nguyễn Hồng Hạnh	15/10/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - KẾ TOÁN B	Kế toán	Kế toán	125	8,2	3,3	Giỏi	
49	DTE2253403010083	Lê Thị Hằng	27/03/2004	Bắc Giang	Nữ	Kinh	K19 - KẾ TOÁN B	Kế toán	Kế toán	125	8,81	3,72	Xuất sắc	
50	DTE2253403010438	Vũ Thị Thu Hiền	23/05/2004	Thái Bình	Nữ	Tày	K19 - KẾ TOÁN B	Kế toán	Kế toán	125	7,25	2,71	Khá	
51	DTE2253403010049	Hạc Ngọc Khuê	12/09/2004	Thái Nguyên	Nữ	Tày	K19 - KẾ TOÁN B	Kế toán	Kế toán	125	6,32	2,04	Trung bình	
52	DTE2253403010090	Lương Thị Kiều	03/05/2004	Thái Nguyên	Nữ	Tày	K19 - KẾ TOÁN B	Kế toán	Kế toán	125	7,78	3,14	Khá	
53	DTE2253403010093	Mạc Thị Liễu	03/05/2004	Cao Bằng	Nữ	Nùng	K19 - KẾ TOÁN B	Kế toán	Kế toán	125	7,67	2,98	Khá	
54	DTE2253403010096	Nguyễn Thùy Linh	14/11/2004	Thái Nguyên	Nữ	Sán Diều	K19 - KẾ TOÁN B	Kế toán	Kế toán	125	6,54	2,2	Trung bình	
55	DTE2253403010098	Bùi Thị Hiền Lương	02/01/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - KẾ TOÁN B	Kế toán	Kế toán	125	8,41	3,42	Giỏi	
56	DTE2253403010008	Hà Thị Trà Ly	26/04/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - KẾ TOÁN B	Kế toán	Kế toán	125	6,25	2,04	Trung bình	
57	DTE2253403010054	Hoàng Thị Mai	18/02/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - KẾ TOÁN B	Kế toán	Kế toán	125	7,7	3,02	Khá	
58	DTE2253403010103	Nguyễn Minh Nguyệt	11/10/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - KẾ TOÁN B	Kế toán	Kế toán	125	8,4	3,51	Giỏi	
59	DTE2253403010058	Nguyễn Thị Hà Phương	30/09/2004	Phú Thọ	Nữ	Kinh	K19 - KẾ TOÁN B	Kế toán	Kế toán	125	7,1	2,68	Khá	
60	DTE2253403010057	Phạm Hà Phương	26/08/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - KẾ TOÁN B	Kế toán	Kế toán	125	7,57	2,91	Khá	
61	DTE2253403010059	Ngô Thúy Quỳnh	15/11/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - KẾ TOÁN B	Kế toán	Kế toán	125	7,42	2,81	Khá	
62	DTE2253403010060	Lý Thị Tâm	17/01/2004	Thái Nguyên	Nữ	Sán Diều	K19 - KẾ TOÁN B	Kế toán	Kế toán	125	7,08	2,65	Khá	
63	DTE2253403010155	Nguyễn Thị Thanh Thư	03/10/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - KẾ TOÁN B	Kế toán	Kế toán	125	6,4	2,12	Trung bình	
64	DTE2253403010113	Lê Thị Thu Trang	31/03/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - KẾ TOÁN B	Kế toán	Kế toán	125	6,28	2,09	Trung bình	
65	DTE2253403010062	Nguyễn Vũ Quỳnh Trang	12/10/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - KẾ TOÁN B	Kế toán	Kế toán	125	7,16	2,67	Khá	
66	DTE2253403010115	Lưu Bạch Hồng Vân	21/10/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - KẾ TOÁN B	Kế toán	Kế toán	125	7,42	2,81	Khá	
67	DTE2253101010023	Đặng Hà Vi	18/08/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - KẾ TOÁN B	Kế toán	Kế toán	125	7,02	2,54	Khá	

Số và ký hiệu: 675/QĐ-ĐHK&QTGD-ĐT
 Ngày ban hành: 15/06/2026

STT	Mã số sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp	Ngành đào tạo	Chương trình đào tạo	Số tín chỉ tích lũy	Điểm trung bình chung tích lũy hệ 10	Điểm trung bình chung tích lũy hệ 4	Xếp hạng tốt nghiệp	Ghi chú
68	DTE2253403010064	Nguyễn Thị Xuân	22/02/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - KẾ TOÁN B	Kế toán	Kế toán	125	8,8	3,86	Xuất sắc	
69	DTE2253403010117	Trần Thị Yến	07/02/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - KẾ TOÁN B	Kế toán	Kế toán	125	8,42	3,51	Giỏi	
70	DTE2253403010401	Hoàng Thị Dịu	19/05/2002	Lạng Sơn	Nữ	Tày	K19 - KẾ TOÁN C	Kế toán	Kế toán	125	8,52	3,58	Giỏi	
71	DTE2253403010189	Trương Thị Quỳnh Giang	15/02/2004	Lào Cai	Nữ	Kinh	K19 - KẾ TOÁN C	Kế toán	Kế toán	125	7,41	2,77	Khá	
72	DTE2253403010190	Chu Thị Thu Hà	11/09/2004	Thái Nguyên	Nữ	Tày	K19 - KẾ TOÁN C	Kế toán	Kế toán	125	7,26	2,74	Khá	
73	DTE2253403010191	Đinh Thị Mỹ Hà	10/03/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - KẾ TOÁN C	Kế toán	Kế toán	125	8,78	3,62	Xuất sắc	
74	DTE2253403010197	Đinh Ngọc Minh Hạnh	16/06/2004	Cao Bằng	Nữ	Kinh	K19 - KẾ TOÁN C	Kế toán	Kế toán	125	9,06	3,81	Xuất sắc	
75	DTE2253403010198	Lý Hồng Hạnh	08/02/2004	Thái Nguyên	Nữ	Tày	K19 - KẾ TOÁN C	Kế toán	Kế toán	125	8,54	3,61	Xuất sắc	
76	DTE2253403010195	Lương Thị Hằng	31/07/2004	Phú Thọ	Nữ	Kinh	K19 - KẾ TOÁN C	Kế toán	Kế toán	125	7,91	3,14	Khá	
77	DTE2253403010192	Nguyễn Thị Hằng	03/05/2004	Bắc Giang	Nữ	Kinh	K19 - KẾ TOÁN C	Kế toán	Kế toán	125	7,46	2,83	Khá	
78	DTE2253403010209	Nguyễn Thanh Hoài	22/10/2004	Thái Nguyên	Nữ	Tày	K19 - KẾ TOÁN C	Kế toán	Kế toán	125	8,4	3,56	Giỏi	
79	DTE2253403010211	Hoàng Thị Ngọc Huệ	10/04/2004	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	K19 - KẾ TOÁN C	Kế toán	Kế toán	125	7,04	2,61	Khá	
80	DTE2253403010219	Lý Văn Khanh	22/02/2004	Thái Nguyên	Nữ	Nùng	K19 - KẾ TOÁN C	Kế toán	Kế toán	125	7,1	2,73	Khá	
81	DTE2253403010441	Đặng Chí Kiên	16/07/2001	Thái Nguyên	Nam	Kinh	K19 - KẾ TOÁN C	Kế toán	Kế toán	125	8,84	3,7	Xuất sắc	
82	DTE2253403010140	Trần Thị Khánh Ly	21/11/2004	Bắc Giang	Nữ	Kinh	K19 - KẾ TOÁN C	Kế toán	Kế toán	125	7,46	2,86	Khá	
83	DTE2253403010229	Triệu Phương Ly	01/06/1999	Thái Nguyên	Nữ	Dao	K19 - KẾ TOÁN C	Kế toán	Kế toán	125	7,28	2,82	Khá	
84	DTE2253403010233	Lê Thị Hoài Nam	07/02/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - KẾ TOÁN C	Kế toán	Kế toán	125	8,72	3,67	Xuất sắc	
85	DTE2253403010238	Dương Thị Ngọc	31/03/2004	Thái Nguyên	Nữ	Dao	K19 - KẾ TOÁN C	Kế toán	Kế toán	125	8,11	3,3	Giỏi	
86	DTE2253403010251	Thân Thị Hồng Nhung	13/04/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	K19 - KẾ TOÁN C	Kế toán	Kế toán	125	8,19	3,41	Giỏi	
87	DTE2253403010254	Dương Thị Phương	13/02/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - KẾ TOÁN C	Kế toán	Kế toán	125	7,04	2,59	Khá	
88	DTE2253403010268	Nguyễn Ngọc Quỳnh	02/09/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - KẾ TOÁN C	Kế toán	Kế toán	125	8,69	3,6	Xuất sắc	
89	DTE2253403010279	Hà Thị Thảo	07/07/2004	Thái Nguyên	Nữ	Tày	K19 - KẾ TOÁN C	Kế toán	Kế toán	125	7,3	2,8	Khá	
90	DTE2253403010275	Lê Thanh Thảo	28/07/2004	Tuyên Quang	Nữ	Kinh	K19 - KẾ TOÁN C	Kế toán	Kế toán	125	7,26	2,82	Khá	
91	DTE2253403010276	Nguyễn Thị Phương Thảo	19/08/2004	Thái Nguyên	Nữ	Tày	K19 - KẾ TOÁN C	Kế toán	Kế toán	125	8,47	3,52	Giỏi	

Số và ký hiệu: 675/QĐ-ĐHK&QTKD-ĐT
 Ngày ban hành: 15/06/2026

STT	Mã số sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp	Ngành đào tạo	Chương trình đào tạo	Số tín chỉ tích lũy	Điểm trung bình chung tích lũy hệ 10	Điểm trung bình chung tích lũy hệ 4	Xếp hạng tốt nghiệp	Ghi chú
92	DTE2253403010272	Bùi Thị Ngọc Thắm	18/09/2004	Bắc Giang	Nữ	Kinh	K19 - KẾ TOÁN C	Kế toán	Kế toán	125	7,23	2,72	Khá	
93	DTE2253403010291	Vương Ngọc Thương	02/12/2004	Thái Nguyên	Nữ	Tày	K19 - KẾ TOÁN C	Kế toán	Kế toán	125	7,09	2,71	Khá	
94	DTE2253403010313	Lê Thị Huyền Trang	20/12/2004	Bắc Giang	Nữ	Kinh	K19 - KẾ TOÁN C	Kế toán	Kế toán	125	7,23	2,75	Khá	
95	DTE2253403010307	Lương Thị Huyền Trang	06/03/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - KẾ TOÁN C	Kế toán	Kế toán	125	7,75	3,07	Khá	
96	DTE2253403010434	Nguyễn Thúy Vân	18/10/2004	Phú Thọ	Nữ	Kinh	K19 - KẾ TOÁN C	Kế toán	Kế toán	125	8,34	3,43	Giỏi	
97	DTE2253403010382	Mễ Thị Ngọc Chi	19/04/2004	Yên Bái	Nữ	Cao-lan	K19 - KẾ TOÁN D	Kế toán	Kế toán	125	6,96	2,58	Khá	
98	DTE2253403010420	Ma Thị Kim Cúc	12/01/2004	Bình Phước	Nữ	Tày	K19 - KẾ TOÁN D	Kế toán	Kế toán	125	7,97	3,24	Giỏi	
99	DTE2253403010414	Hoàng Thùy Dung	14/03/2003	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	K19 - KẾ TOÁN D	Kế toán	Kế toán	125	8,12	3,28	Giỏi	
100	DTE2253403010199	Hà Thị Hạnh	20/04/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - KẾ TOÁN D	Kế toán	Kế toán	125	6,91	2,52	Khá	
101	DTE2253403010193	Nguyễn Thị Ánh Hằng	01/11/2003	Thái Nguyên	Nữ	Tày	K19 - KẾ TOÁN D	Kế toán	Kế toán	125	8,35	3,41	Giỏi	
102	DTE2253403010344	Lê Thị Thu Hường	20/01/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - KẾ TOÁN D	Kế toán	Kế toán	125	7,95	3,2	Giỏi	
103	DTE2253403010226	Phạm Bùi Diệu Linh	22/11/2004	Thái Bình	Nữ	Kinh	K19 - KẾ TOÁN D	Kế toán	Kế toán	125	7,04	2,54	Khá	
104	DTE2253403010415	Sầm Thị Vân Ly	19/09/2004	Cao Bằng	Nữ	Tày	K19 - KẾ TOÁN D	Kế toán	Kế toán	125	7,24	2,68	Khá	
105	DTE2253403010353	Nguyễn Thị Trà My	22/03/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - KẾ TOÁN D	Kế toán	Kế toán	125	7,74	3,07	Khá	
106	DTE2253403010234	Nguyễn Thanh Nga	26/10/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - KẾ TOÁN D	Kế toán	Kế toán	125	8,7	3,66	Xuất sắc	
107	DTE2253403010355	Nguyễn Thúy Nga	29/06/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - KẾ TOÁN D	Kế toán	Kế toán	125	8,28	3,38	Khá	Hạ hạng tốt nghiệp
108	DTE2253403010358	Lục Thị Nguyên	04/10/2004	Thái Nguyên	Nữ	Sán Diều	K19 - KẾ TOÁN D	Kế toán	Kế toán	125	8,26	3,42	Khá	Hạ hạng tốt nghiệp
109	DTE2253403010245	Phạm Nguyễn Yên Nhi	30/10/2004	Thái Nguyên	Nữ	Tày	K19 - KẾ TOÁN D	Kế toán	Kế toán	125	7,04	2,64	Khá	
110	DTE2253403010253	Nguyễn Thị Hồng Nhung	19/10/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - KẾ TOÁN D	Kế toán	Kế toán	125	8,83	3,76	Xuất sắc	
111	DTE2253403010149	Vũ Thị Hà Phương	18/03/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - KẾ TOÁN D	Kế toán	Kế toán	125	7,68	2,97	Khá	
112	DTE2253403010258	Nông Thị Thu Phượng	05/05/2004	Thái Nguyên	Nữ	Tày	K19 - KẾ TOÁN D	Kế toán	Kế toán	125	6,55	2,29	Trung bình	
113	DTE2253403010263	Nguyễn Trần Quốc Quyền	13/04/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	K19 - KẾ TOÁN D	Kế toán	Kế toán	125	7,87	3,2	Giỏi	
114	DTE2253403010364	Đỗ Thị Kim Quỳnh	03/04/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - KẾ TOÁN D	Kế toán	Kế toán	125	8,61	3,59	Giỏi	
115	DTE2253403010150	Nguyễn Thị Quỳnh	06/03/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - KẾ TOÁN D	Kế toán	Kế toán	125	7,17	2,63	Khá	

Số và ký hiệu: 675/QĐ-ĐHK&QTKD-ĐT
 Ngày ban hành: 15/06/2026

STT	Mã số sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp	Ngành đào tạo	Chương trình đào tạo	Số tín chỉ tích lũy	Điểm trung bình chung tích lũy hệ 10	Điểm trung bình chung tích lũy hệ 4	Xếp hạng tốt nghiệp	Ghi chú
116	DTE2253403010002	Nguyễn Thị Như Quỳnh	01/10/2004	Thái Nguyên	Nữ	Sán Diều	K19 - KẾ TOÁN D	Kế toán	Kế toán	125	7,01	2,62	Khá	
117	DTE2253403010366	Nguyễn Thị Thanh Tâm	12/12/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - KẾ TOÁN D	Kế toán	Kế toán	125	7,08	2,7	Khá	
118	DTE2253403010370	Trần Thị Phương Thảo	21/02/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - KẾ TOÁN D	Kế toán	Kế toán	125	8,39	3,49	Giỏi	
119	DTE2253403010270	Trạc Thị Thắm	17/01/2004	Thái Nguyên	Nữ	Sán Cháy	K19 - KẾ TOÁN D	Kế toán	Kế toán	125	7,42	2,86	Khá	
120	DTE2253403010423	Nguyễn Thị Thoan	11/08/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - KẾ TOÁN D	Kế toán	Kế toán	125	7,53	2,96	Khá	
121	DTE2253403010293	Trần Phương Thủy	22/12/2004	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	K19 - KẾ TOÁN D	Kế toán	Kế toán	125	8,64	3,57	Giỏi	
122	DTE2253403010156	Nguyễn Thị Hoài Thương	22/03/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - KẾ TOÁN D	Kế toán	Kế toán	125	6,2	2,02	Trung bình	
123	DTE2253403010372	Dương Thị Tốt	24/07/2004	Lạng Sơn	Nữ	Tày	K19 - KẾ TOÁN D	Kế toán	Kế toán	125	7,38	2,81	Khá	
124	DTE2253403010298	Hoàng Thị Thu Trà	10/10/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - KẾ TOÁN D	Kế toán	Kế toán	125	7,86	3,15	Khá	
125	DTE2253403010304	Lý Thị Hoài Trang	04/02/2002	Thái Nguyên	Nữ	Dao	K19 - KẾ TOÁN D	Kế toán	Kế toán	125	7,37	2,82	Khá	
126	DTE2253403010308	Nguyễn Thu Trang	26/09/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - KẾ TOÁN D	Kế toán	Kế toán	125	8,62	3,66	Xuất sắc	
127	DTE2253403010311	Phạm Thị Kiều Trang	28/03/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - KẾ TOÁN D	Kế toán	Kế toán	125	8,31	3,41	Giỏi	
128	DTE2253403010314	Hoàng Ánh Trúc	18/09/2004	Thái Nguyên	Nữ	Tày	K19 - KẾ TOÁN D	Kế toán	Kế toán	125	7,42	2,86	Khá	
129	DTE2253403010164	Nguyễn Hải Yến	20/06/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - KẾ TOÁN D	Kế toán	Kế toán	125	6,6	2,3	Trung bình	
130	DTE1873403010062	Nguyễn Tuấn Dũng	04/07/2000	Thái Nguyên	Nam	Kinh	K15 - Kế toán Kiểm toán	Kế toán	Kế toán kiểm toán	126	6,25	2,1	Trung bình	
131	DTE2053403010805	Ngô Thị Quỳnh Anh	08/12/2002	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K17 - KẾ TOÁN KIỂM TOÁN	Kế toán	Kế toán kiểm toán	128	8	3,18	Khá	
132	DTE2153403010215	Phạm Kim Chi	30/11/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - KẾ TOÁN KIỂM TOÁN B	Kế toán	Kế toán kiểm toán	125	7,42	2,83	Khá	
133	DTE2253403010329	Bùi Kim Anh	04/09/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - KẾ TOÁN KIỂM TOÁN A	Kế toán	Kế toán kiểm toán	125	6,73	2,34	Trung bình	
134	DTE2253403010070	Đoàn Thị Ngọc Anh	06/09/2004	Bà Rịa-Vũng Tàu	Nữ	Kinh	K19 - KẾ TOÁN KIỂM TOÁN A	Kế toán	Kế toán kiểm toán	125	6,65	2,32	Trung bình	
135	DTE2253403010119	Trương Thị Huyền Ánh	16/08/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - KẾ TOÁN KIỂM TOÁN A	Kế toán	Kế toán kiểm toán	125	8,49	3,52	Giỏi	
136	DTE2253403010121	Vũ Lê Ngọc Bích	01/06/2004	Sơn La	Nữ	Kinh	K19 - KẾ TOÁN KIỂM TOÁN A	Kế toán	Kế toán kiểm toán	125	6,96	2,54	Khá	
137	DTE2253403010122	Trần Thị Huyền Châm	07/10/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - KẾ TOÁN KIỂM TOÁN A	Kế toán	Kế toán kiểm toán	125	7,76	3,01	Khá	
138	DTE2253403010182	Đỗ Ngọc Chi	24/11/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - KẾ TOÁN KIỂM TOÁN A	Kế toán	Kế toán kiểm toán	125	8,67	3,6	Xuất sắc	
139	DTE2253403010125	Lê Ngọc Diễm	01/11/2004	Quảng Ninh	Nữ	Kinh	K19 - KẾ TOÁN KIỂM TOÁN A	Kế toán	Kế toán kiểm toán	125	7,38	2,83	Khá	

Số và ký hiệu: 675/QĐ-ĐHK&QTKD-ĐT
 Ngày ban hành: 15/06/2026

STT	Mã số sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp	Ngành đào tạo	Chương trình đào tạo	Số tín chỉ tích lũy	Điểm trung bình chung tích lũy hệ 10	Điểm trung bình chung tích lũy hệ 4	Xếp hạng tốt nghiệp	Ghi chú
140	DTE2253403010331	Đỗ Bạch Diệp	24/12/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - KẾ TOÁN KIỂM TOÁN A	Kế toán	Kế toán kiểm toán	125	7,7	3,03	Khá	
141	DTE2253403010186	Đào Mỹ Duyên	08/07/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - KẾ TOÁN KIỂM TOÁN A	Kế toán	Kế toán kiểm toán	125	8,76	3,74	Xuất sắc	
142	DTE2253403010165	Mông Văn Đại	24/11/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	K19 - KẾ TOÁN KIỂM TOÁN A	Kế toán	Kế toán kiểm toán	125	7,2	2,71	Khá	
143	DTE2253403010325	Nguyễn Thị Diệp	10/12/2004	Lạng Sơn	Nữ	Tày	K19 - KẾ TOÁN KIỂM TOÁN A	Kế toán	Kế toán kiểm toán	125	8,36	3,43	Giỏi	
144	DTE2253403010338	Đình Thị Ngọc Hoa	19/10/2004	Thái Nguyên	Nữ	Tày	K19 - KẾ TOÁN KIỂM TOÁN A	Kế toán	Kế toán kiểm toán	125	8,2	3,4	Giỏi	
145	DTE2253403010135	Nguyễn Thị Thanh Huyền	03/03/2004	Lạng Sơn	Nữ	Kinh	K19 - KẾ TOÁN KIỂM TOÁN A	Kế toán	Kế toán kiểm toán	125	7,9	3,16	Khá	
146	DTE2253403010133	Lê Trần Quỳnh Hương	10/09/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - KẾ TOÁN KIỂM TOÁN A	Kế toán	Kế toán kiểm toán	125	7,12	2,66	Khá	
147	DTE2253403010403	Hoàng Thị Thanh Lan	02/02/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - KẾ TOÁN KIỂM TOÁN A	Kế toán	Kế toán kiểm toán	125	7,65	3,01	Khá	
148	DTE2253403010404	Nguyễn Vũ Thùy Linh	08/09/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - KẾ TOÁN KIỂM TOÁN A	Kế toán	Kế toán kiểm toán	125	7,25	2,73	Khá	
149	DTE2253403010405	Phùng Mỹ Linh	05/05/2003	Lai Châu	Nữ	Hà Nhì	K19 - KẾ TOÁN KIỂM TOÁN A	Kế toán	Kế toán kiểm toán	125	7,34	2,79	Khá	
150	DTE2253403010407	Lù Gió Mư	01/10/2004	Lai Châu	Nữ	Hà Nhì	K19 - KẾ TOÁN KIỂM TOÁN A	Kế toán	Kế toán kiểm toán	125	7,15	2,67	Khá	
151	DTE2253403010241	Nguyễn Hồng Ngọc	29/08/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - KẾ TOÁN KIỂM TOÁN A	Kế toán	Kế toán kiểm toán	125	8,65	3,65	Xuất sắc	
152	DTE2253403010023	Tạ Thị Nhã	06/02/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - KẾ TOÁN KIỂM TOÁN A	Kế toán	Kế toán kiểm toán	125	8,24	3,38	Giỏi	
153	DTE2253403010248	Đình Tuyết Nhi	07/06/2004	Thái Nguyên	Nữ	Tày	K19 - KẾ TOÁN KIỂM TOÁN A	Kế toán	Kế toán kiểm toán	125	7,18	2,62	Khá	
154	DTE2253403010145	Dương Nguyễn Trang Nhung	19/03/2004	Quảng Bình	Nữ	Kinh	K19 - KẾ TOÁN KIỂM TOÁN A	Kế toán	Kế toán kiểm toán	125	8,43	3,54	Giỏi	
155	DTE2253403010146	Trương Thị Nhung	28/01/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - KẾ TOÁN KIỂM TOÁN A	Kế toán	Kế toán kiểm toán	125	8,94	3,82	Xuất sắc	
156	DTE2253403010410	Trần Hương Quỳnh	26/05/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - KẾ TOÁN KIỂM TOÁN A	Kế toán	Kế toán kiểm toán	125	7,97	3,22	Giỏi	
157	DTE2253403010264	Lê Thị Như Quỳnh	29/01/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - KẾ TOÁN KIỂM TOÁN A	Kế toán	Kế toán kiểm toán	125	7,76	3,02	Khá	
158	DTE2253403010281	Phạm Thanh Thảo	18/03/2004	Tuyên Quang	Nữ	Kinh	K19 - KẾ TOÁN KIỂM TOÁN A	Kế toán	Kế toán kiểm toán	125	8,46	3,5	Giỏi	
159	DTE2253401010271	Hoàng Thị Thùy	10/03/2004	Hà Nội	Nữ	Kinh	K19 - KẾ TOÁN KIỂM TOÁN A	Kế toán	Kế toán kiểm toán	125	7,8	3,06	Khá	
160	DTE2253403010011	Nguyễn Mai Thương	03/09/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - KẾ TOÁN KIỂM TOÁN A	Kế toán	Kế toán kiểm toán	125	8,4	3,54	Khá	Hạ hạng tốt nghiệp
161	DTE2253403010160	Chu Thị Thùy Trang	06/09/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - KẾ TOÁN KIỂM TOÁN A	Kế toán	Kế toán kiểm toán	125	7,42	2,9	Khá	
162	DTE2253403010006	Hoàng Anh	13/03/2004	Thái Nguyên	Nam	Tày	K19 - KẾ TOÁN KIỂM TOÁN B	Kế toán	Kế toán kiểm toán	125	8,24	3,39	Giỏi	
163	DTE2253403010174	Nguyễn Quỳnh Anh	06/02/2003	Bà Rịa-Vũng Tàu	Nữ	Kinh	K19 - KẾ TOÁN KIỂM TOÁN B	Kế toán	Kế toán kiểm toán	128	6,5	2,23	Trung bình	

Số và ký hiệu: 675/QĐ-ĐHK&QT&ĐT
 Ngày ban hành: 15/06/2026

STT	Mã số sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp	Ngành đào tạo	Chương trình đào tạo	Số tín chỉ tích lũy	Điểm trung bình chung tích lũy hệ 10	Điểm trung bình chung tích lũy hệ 4	Xếp hạng tốt nghiệp	Ghi chú
164	DTE2253403010066	Vũ Ngọc Anh	29/05/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - KẾ TOÁN KIỂM TOÁN B	Kế toán	Kế toán kiểm toán	125	7,7	3,02	Khá	
165	DTE2253403010171	Dương Thị Ngọc Ánh	12/11/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - KẾ TOÁN KIỂM TOÁN B	Kế toán	Kế toán kiểm toán	125	8,5	3,55	Giỏi	
166	DTE2253403010036	Lương Thị Ngọc Châm	22/03/2004	Cao Bằng	Nữ	Tày	K19 - KẾ TOÁN KIỂM TOÁN B	Kế toán	Kế toán kiểm toán	125	8,28	3,43	Giỏi	
167	DTE2253403010446	Nguyễn Hà Chi	09/02/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - KẾ TOÁN KIỂM TOÁN B	Kế toán	Kế toán kiểm toán	125	8,71	3,67	Xuất sắc	
168	DTE2253403010332	Ngô Kim Dung	26/03/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - KẾ TOÁN KIỂM TOÁN B	Kế toán	Kế toán kiểm toán	128	6,55	2,21	Trung bình	
169	DTE2253403010187	Dương Thị Duyên	24/10/2004	Bắc Giang	Nữ	Kinh	K19 - KẾ TOÁN KIỂM TOÁN B	Kế toán	Kế toán kiểm toán	125	7,55	2,86	Khá	
170	DTE2253403010196	Nông Thị Hằng	10/08/2004	Thái Nguyên	Nữ	Tày	K19 - KẾ TOÁN KIỂM TOÁN B	Kế toán	Kế toán kiểm toán	128	8,33	3,38	Giỏi	
171	DTE2253403010202	Nguyễn Thị Hiền	13/10/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - KẾ TOÁN KIỂM TOÁN B	Kế toán	Kế toán kiểm toán	125	7,59	2,9	Khá	
172	DTE2253403010084	Nguyễn Thị Thu Hiền	26/11/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - KẾ TOÁN KIỂM TOÁN B	Kế toán	Kế toán kiểm toán	125	8,12	3,36	Giỏi	
173	DTE2253403010339	Nguyễn Thị Thanh Hoa	25/07/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - KẾ TOÁN KIỂM TOÁN B	Kế toán	Kế toán kiểm toán	125	7,58	2,94	Khá	
174	DTE2253403010340	Hà Thị Thu Hoài	27/01/2004	Thái Nguyên	Nữ	Tày	K19 - KẾ TOÁN KIỂM TOÁN B	Kế toán	Kế toán kiểm toán	125	7,3	2,78	Khá	
175	DTE2253403010218	Vũ Thị Thu Huyền	08/10/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - KẾ TOÁN KIỂM TOÁN B	Kế toán	Kế toán kiểm toán	125	7,18	2,69	Khá	
176	DTE2253403010214	Lê Quỳnh Hương	12/08/2004	Thái Nguyên	Nữ	Tày	K19 - KẾ TOÁN KIỂM TOÁN B	Kế toán	Kế toán kiểm toán	125	7,39	2,78	Khá	
177	DTE2253403010088	Dương Thị Hường	17/10/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - KẾ TOÁN KIỂM TOÁN B	Kế toán	Kế toán kiểm toán	125	8,82	3,78	Xuất sắc	
178	DTE2253403010224	Đỗ Phương Linh	07/04/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - KẾ TOÁN KIỂM TOÁN B	Kế toán	Kế toán kiểm toán	125	7,31	2,82	Khá	
179	DTE2253403010223	Nguyễn Thị Thùy Linh	01/09/2004	Thái Nguyên	Nữ	Nùng	K19 - KẾ TOÁN KIỂM TOÁN B	Kế toán	Kế toán kiểm toán	125	7,79	3,06	Khá	
180	DTE2253403010350	Dương Thị Hoà Mai	19/10/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - KẾ TOÁN KIỂM TOÁN B	Kế toán	Kế toán kiểm toán	125	8,83	3,8	Xuất sắc	
181	DTE2253403010101	Hoàng Thủy Nga	19/07/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - KẾ TOÁN KIỂM TOÁN B	Kế toán	Kế toán kiểm toán	125	9,1	3,87	Xuất sắc	
182	DTE2253403010236	Nguyễn Thị Nga	29/03/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - KẾ TOÁN KIỂM TOÁN B	Kế toán	Kế toán kiểm toán	125	7,98	3,2	Giỏi	
183	DTE2253403010237	Nguyễn Thị Ngân	09/10/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - KẾ TOÁN KIỂM TOÁN B	Kế toán	Kế toán kiểm toán	125	8,96	3,79	Xuất sắc	
184	DTE2253403010244	Nguyễn Thị Linh Nhi	19/12/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - KẾ TOÁN KIỂM TOÁN B	Kế toán	Kế toán kiểm toán	125	7,86	3,15	Khá	
185	DTE2253403010246	Trương Thị Tú Nhi	28/04/2004	Thái Nguyên	Nữ	Sán Diu	K19 - KẾ TOÁN KIỂM TOÁN B	Kế toán	Kế toán kiểm toán	125	8,25	3,36	Giỏi	
186	DTE2253403010361	Lê Hồng Nhung	19/10/2004	Thái Nguyên	Nữ	Nùng	K19 - KẾ TOÁN KIỂM TOÁN B	Kế toán	Kế toán kiểm toán	125	7,44	2,82	Khá	
187	DTE2253403010249	Lương Hồng Nhung	11/08/2004	Thái Nguyên	Nữ	Tày	K19 - KẾ TOÁN KIỂM TOÁN B	Kế toán	Kế toán kiểm toán	125	8,14	3,36	Giỏi	

STT	Mã số sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp	Ngành đào tạo	Chương trình đào tạo	Số tín chỉ tích lũy	Điểm trung bình chung tích lũy hệ 10	Điểm trung bình chung tích lũy hệ 4	Xếp hạng tốt nghiệp	Ghi chú
188	DTE2253403010362	Nguyễn Thị Kim Oanh	26/02/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - KẾ TOÁN KIỂM TOÁN B	Kế toán	Kế toán kiểm toán	125	7,42	2,84	Khá	
189	DTE2253403010255	Nguyễn Thu Phương	17/09/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - KẾ TOÁN KIỂM TOÁN B	Kế toán	Kế toán kiểm toán	125	6,85	2,53	Khá	
190	DTE2253403010259	Nguyễn Ngọc Phương	27/02/2004	Thái Nguyên	Nữ	Nùng	K19 - KẾ TOÁN KIỂM TOÁN B	Kế toán	Kế toán kiểm toán	125	8,13	3,27	Giỏi	
191	DTE2253403010262	Lý Ánh Quyên	24/09/2004	Thái Nguyên	Nữ	Nùng	K19 - KẾ TOÁN KIỂM TOÁN B	Kế toán	Kế toán kiểm toán	125	7,33	2,8	Khá	
192	DTE2253403010261	Nguyễn Thị Ánh Quyên	03/11/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - KẾ TOÁN KIỂM TOÁN B	Kế toán	Kế toán kiểm toán	125	8,17	3,39	Giỏi	
193	DTE2253403010265	Đỗ Thị Thuý Quỳnh	08/11/2004	Hà Nội	Nữ	Kinh	K19 - KẾ TOÁN KIỂM TOÁN B	Kế toán	Kế toán kiểm toán	125	7,14	2,69	Khá	
194	DTE2253403010369	Đỗ Phương Thảo	28/02/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - KẾ TOÁN KIỂM TOÁN B	Kế toán	Kế toán kiểm toán	125	7,09	2,62	Khá	
195	DTE2253403010271	Hà Diệu Thắm	02/12/2003	Thái Nguyên	Nữ	Tày	K19 - KẾ TOÁN KIỂM TOÁN B	Kế toán	Kế toán kiểm toán	125	7,4	2,91	Khá	
196	DTE2253403010283	Dương Thị Kim Thoa	27/03/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - KẾ TOÁN KIỂM TOÁN B	Kế toán	Kế toán kiểm toán	125	7,16	2,67	Khá	
197	DTE2253403010302	Đỗ Quỳnh Trang	17/11/2004	Bắc Giang	Nữ	Kinh	K19 - KẾ TOÁN KIỂM TOÁN B	Kế toán	Kế toán kiểm toán	125	7,92	3,1	Khá	
198	DTE2253403010303	Mai Thị Thu Trang	12/12/2004	Bắc Giang	Nữ	Kinh	K19 - KẾ TOÁN KIỂM TOÁN B	Kế toán	Kế toán kiểm toán	125	7,21	2,73	Khá	
199	DTE2253403010306	Nguyễn Quỳnh Trang	27/08/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - KẾ TOÁN KIỂM TOÁN B	Kế toán	Kế toán kiểm toán	125	7,41	2,88	Khá	
200	DTE2253403010397	Nguyễn Hương Xuân	11/02/2004	Thái Nguyên	Nữ	Tày	K19 - KẾ TOÁN KIỂM TOÁN B	Kế toán	Kế toán kiểm toán	125	8,05	3,3	Giỏi	
201	DTE2253403010323	Lục Thị Yên	10/05/2003	Thái Nguyên	Nữ	Nùng	K19 - KẾ TOÁN KIỂM TOÁN B	Kế toán	Kế toán kiểm toán	125	8	3,22	Giỏi	
202	DTE2253403010282	Nghiêm Thị Thoa	10/02/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - KẾ TOÁN KIỂM TOÁN B	Kế toán	Kế toán kiểm toán	125	8,76	3,7	Xuất sắc	
203	DTE1873401010112	Nguyễn Công Minh	06/03/2000	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K15 - Quản trị Kinh doanh Tổng hợp D	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	126	6,47	2,17	Trung bình	
204	DTE1953401010007	Nguyễn Thị Chinh	23/10/2001	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K16 - Quản trị Kinh doanh Tổng hợp B	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	127	6,68	2,38	Trung bình	
205	DTE1953401010044	Dương Tuấn Linh	04/10/2000	Thái Nguyên	Nam	Kinh	K16 - Quản trị Kinh doanh Tổng hợp B	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	127	6,13	2,02	Trung bình	
206	DTE2053401010165	Lê Hoàng Hoàng	09/08/2002	Hà Nội	Nam	Kinh	K17 - QUẢN TRỊ KINH DOANH A	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	125	6,16	2,01	Trung bình	
207	DTE2053401010532	Phạm Việt Hoàng	03/09/2002	Hà Nội	Nam	Kinh	K17 - QUẢN TRỊ KINH DOANH D	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	125	6,25	2,02	Trung bình	
208	DTE2153401010384	Nguyễn Văn Lợi	21/04/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	K18 - QUẢN TRỊ KINH DOANH A	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	125	7,1	2,57	Khá	
209	DTE2153401010129	Lê Thùy Linh	04/10/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - QUẢN TRỊ KINH DOANH B	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	125	7,03	2,52	Khá	
210	DTE2153401010098	Triệu Khánh Linh	17/08/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - QUẢN TRỊ KINH DOANH B	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	128	6,31	2,06	Trung bình	
211	DTE2153401010183	Lục Tuấn Anh	27/08/2003	Thái Nguyên	Nam	Nùng	K18 - QUẢN TRỊ KINH DOANH C	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	125	6,15	2,04	Trung bình	

Số và ký hiệu: 675/QĐ-ĐHK&QTKD-ĐT
 Ngày ban hành: 15/06/2026

STT	Mã số sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp	Ngành đào tạo	Chương trình đào tạo	Số tín chỉ tích lũy	Điểm trung bình chung tích lũy hệ 10	Điểm trung bình chung tích lũy hệ 4	Xếp hạng tốt nghiệp	Ghi chú
212	DTE2153401010241	Đào Phương Bảo	01/12/2003	Thái Nguyên	Nam	Kinh	K18 - QUẢN TRỊ KINH DOANH D	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	125	6,52	2,18	Trung bình	
213	DTE2253401010109	La Thị Lan Anh	08/10/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - QUẢN TRỊ KINH DOANH A	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	125	6,24	2,06	Trung bình	
214	DTE2253401010105	Ngô Thị Hồng Ánh	24/06/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - QUẢN TRỊ KINH DOANH A	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	125	8,07	3,23	Giỏi	
215	DTE2253401010115	Dương Việt Bắc	03/10/2004	Yên Bái	Nam	Kinh	K19 - QUẢN TRỊ KINH DOANH A	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	125	7,71	3,09	Khá	
216	DTE2253401010063	Nguyễn Thị Thanh Bình	09/08/2004	Quảng Ninh	Nữ	Kinh	K19 - QUẢN TRỊ KINH DOANH A	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	125	6,96	2,51	Khá	
217	DTE2253401010117	Trần Thị Chinh	29/02/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - QUẢN TRỊ KINH DOANH A	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	125	8,06	3,26	Khá	Hạ hạng tốt nghiệp
218	DTE2253401010015	Lý Thị Thanh Chúc	30/01/2004	Tuyên Quang	Nữ	Tày	K19 - QUẢN TRỊ KINH DOANH A	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	125	6,52	2,27	Trung bình	
219	DTE2253401010070	Dương Thị Hà	21/04/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - QUẢN TRỊ KINH DOANH A	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	125	7,2	2,73	Khá	
220	DTE2253401010068	Vũ Thị Thu Hà	26/06/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - QUẢN TRỊ KINH DOANH A	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	125	7,55	2,94	Khá	
221	DTE2253401010077	Hoàng Thị Hoàn	26/02/2000	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - QUẢN TRỊ KINH DOANH A	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	125	8,63	3,64	Xuất sắc	
222	DTE2253401010139	Bùi Thị Ngọc Huệ	20/01/2004	Thái Nguyên	Nữ	Tày	K19 - QUẢN TRỊ KINH DOANH A	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	125	8,28	3,42	Giỏi	
223	DTE2253401010046	Nguyễn Thị Huyền	11/03/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - QUẢN TRỊ KINH DOANH A	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	125	7,18	2,65	Khá	
224	DTE2253401010020	Dương Thu Hương	17/11/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - QUẢN TRỊ KINH DOANH A	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	125	6,95	2,55	Khá	
225	DTE2253401010142	Trần Thị Hương	25/10/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - QUẢN TRỊ KINH DOANH A	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	125	7,23	2,68	Khá	
226	DTE2253401010045	Vũ Lan Hương	26/11/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - QUẢN TRỊ KINH DOANH A	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	125	7,73	3,11	Khá	
227	DTE2253401010290	Dương Thị Linh	25/04/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - QUẢN TRỊ KINH DOANH A	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	125	7,26	2,78	Khá	
228	DTE2253401010022	Nguyễn Ngọc Long	25/09/2004	Thái Nguyên	Nam	Kinh	K19 - QUẢN TRỊ KINH DOANH A	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	125	7,35	2,85	Khá	
229	DTE2253401010291	Lê Thị Khánh Ly	22/11/2004	Lào Cai	Nữ	Kinh	K19 - QUẢN TRỊ KINH DOANH A	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	125	7,49	2,91	Khá	
230	DTE2253401010168	Chu Thị Phương Nam	08/08/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - QUẢN TRỊ KINH DOANH A	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	125	7,2	2,64	Khá	
231	DTE2253401010089	Mạc Thị Nga	05/01/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - QUẢN TRỊ KINH DOANH A	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	125	7,54	2,89	Khá	
232	DTE2253401010173	Lưu Thúy Ngọc	28/06/2004	Hà Nội	Nữ	Kinh	K19 - QUẢN TRỊ KINH DOANH A	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	125	7,34	2,78	Khá	
233	DTE2253401010006	Ngô Thị Tuyết Nhung	23/06/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - QUẢN TRỊ KINH DOANH A	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	125	7,45	2,86	Khá	
234	DTE2253401010177	Nguyễn Thị Phú	08/02/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - QUẢN TRỊ KINH DOANH A	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	125	7,85	3,2	Giỏi	
235	DTE2253401010181	Thân Thị Trúc Quỳnh	01/08/2004	Bắc Giang	Nữ	Tày	K19 - QUẢN TRỊ KINH DOANH A	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	125	6,88	2,5	Khá	

Số và ký hiệu: 675/QĐ-ĐHK&QTKD-ĐT
 Ngày ban hành: 15/06/2026

STT	Mã số sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp	Ngành đào tạo	Chương trình đào tạo	Số tín chỉ tích lũy	Điểm trung bình chung tích lũy hệ 10	Điểm trung bình chung tích lũy hệ 4	Xếp hạng tốt nghiệp	Ghi chú
236	DTE2253401010096	Phạm Thị Thêu	15/08/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - QUẢN TRỊ KINH DOANH A	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	125	8,42	3,47	Giỏi	
237	DTE2253401010263	Nguyễn Thị Kiều Trang	20/07/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - QUẢN TRỊ KINH DOANH A	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	125	7,12	2,66	Khá	
238	DTE2253401010029	Hà Thị Thanh Trúc	24/08/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - QUẢN TRỊ KINH DOANH A	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	125	7,09	2,66	Khá	
239	DTE2253401010294	Ngô Thị Ngọc Bích	30/03/2004	TP Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	K19 - QUẢN TRỊ KINH DOANH B	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	125	7,59	3	Khá	
240	DTE2253401010066	Triệu Thị Ninh Cường	14/07/2004	Thái Nguyên	Nữ	Tày	K19 - QUẢN TRỊ KINH DOANH B	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	125	6,41	2,19	Trung bình	
241	DTE2253401010041	Đặng Thị Mỹ Duyên	28/07/2004	Yên Bái	Nữ	Kinh	K19 - QUẢN TRỊ KINH DOANH B	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	125	7,48	2,93	Khá	
242	DTE2253401010043	Dương Hồng Hạnh	12/11/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - QUẢN TRỊ KINH DOANH B	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	125	7,47	2,86	Khá	
243	DTE2253401010072	Hoàng Kim Hạnh	16/03/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - QUẢN TRỊ KINH DOANH B	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	125	7,09	2,66	Khá	
244	DTE2253401010074	Phạm Hải Hậu	05/01/2004	Thái Nguyên	Nữ	Mường	K19 - QUẢN TRỊ KINH DOANH B	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	125	8,45	3,57	Giỏi	
245	DTE2253401010129	Lưu Thị Hiền	13/12/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - QUẢN TRỊ KINH DOANH B	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	125	7,02	2,62	Khá	
246	DTE2253401010128	Nguyễn Thị Hiền	15/04/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - QUẢN TRỊ KINH DOANH B	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	125	7,24	2,77	Khá	
247	DTE2253401010018	Nguyễn Thúy Hiền	03/01/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - QUẢN TRỊ KINH DOANH B	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	125	7,12	2,63	Khá	
248	DTE2253401010076	Lê Thị Thu Hoài	16/06/2004	Thái Nguyên	Nữ	Tày	K19 - QUẢN TRỊ KINH DOANH B	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	125	7,11	2,6	Khá	
249	DTE2253401010079	Trương Thị Huế	16/03/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - QUẢN TRỊ KINH DOANH B	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	125	8,51	3,54	Giỏi	
250	DTE2253401010047	Nguyễn Quang Lâm	23/11/2004	Thái Nguyên	Nam	Tày	K19 - QUẢN TRỊ KINH DOANH B	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	125	6,23	2,14	Trung bình	
251	DTE2253401010157	Trần Thị Linh	01/09/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - QUẢN TRỊ KINH DOANH B	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	125	7,26	2,72	Khá	
252	DTE2253401010238	Vũ Thảo Ly	23/11/2004	Thái Nguyên	Nữ	Nùng	K19 - QUẢN TRỊ KINH DOANH B	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	125	7,58	2,89	Khá	
253	DTE2253401010085	Nguyễn Thanh Mai	20/07/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - QUẢN TRỊ KINH DOANH B	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	125	7,8	3,06	Khá	
254	DTE2253401010086	Dương Văn Mạnh	19/01/2004	Thái Nguyên	Nam	Tày	K19 - QUẢN TRỊ KINH DOANH B	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	125	7,39	2,86	Khá	
255	DTE2253401010169	Lý Hải Nam	12/11/2004	Hà Giang	Nam	Dao	K19 - QUẢN TRỊ KINH DOANH B	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	125	8,09	3,24	Giỏi	
256	DTE2253401010052	Nguyễn Thị Bích Ngọc	08/10/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - QUẢN TRỊ KINH DOANH B	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	125	7,3	2,71	Khá	
257	DTE2253401010176	Phạm Thị Nguyên	01/02/2004	Thái Nguyên	Nữ	Tày	K19 - QUẢN TRỊ KINH DOANH B	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	125	7,11	2,7	Khá	
258	DTE2253401010025	Nguyễn Phạm Yên Nhi	03/07/2004	Thanh Hoá	Nữ	Kinh	K19 - QUẢN TRỊ KINH DOANH B	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	125	6,95	2,51	Khá	
259	DTE2253401010286	Lê Thanh Thúy	12/10/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - QUẢN TRỊ KINH DOANH B	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	125	7,24	2,71	Khá	

Số và ký hiệu: 675/QĐ-ĐHK&QTKD-ĐT
 Ngày ban hành: 15/06/2026

STT	Mã số sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp	Ngành đào tạo	Chương trình đào tạo	Số tín chỉ tích lũy	Điểm trung bình chung tích lũy hệ 10	Điểm trung bình chung tích lũy hệ 4	Xếp hạng tốt nghiệp	Ghi chú
260	DTE2253401010099	Nguyễn Thu Trang	07/10/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - QUẢN TRỊ KINH DOANH B	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	125	7,58	2,94	Khá	
261	DTE2253401010056	Nguyễn Lê Ngọc Trâm	17/02/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - QUẢN TRỊ KINH DOANH B	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	125	6,85	2,43	Trung bình	
262	DTE2253401010100	Đặng Thị Triệu	09/05/2004	Thái Nguyên	Nữ	Sán Diu	K19 - QUẢN TRỊ KINH DOANH B	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	125	6,32	2,18	Trung bình	
263	DTE2253401010101	Ngô Văn Tùng	19/04/2004	Thanh Hoá	Nam	Kinh	K19 - QUẢN TRỊ KINH DOANH B	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	125	7,44	2,85	Khá	
264	DTE2253401010032	Nguyễn Cẩm Vân	30/10/2004	Hưng Yên	Nữ	Kinh	K19 - QUẢN TRỊ KINH DOANH B	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	125	7,53	2,86	Khá	
265	DTE2253401010031	Trần Thị Vân	17/11/2004	Thái Nguyên	Nữ	Sán Cháy	K19 - QUẢN TRỊ KINH DOANH B	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	125	7,73	3,06	Khá	
266	DTE2253401010060	Nguyễn Thị Yến	13/02/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - QUẢN TRỊ KINH DOANH B	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	125	7,19	2,7	Khá	
267	DTE2253401010033	Nguyễn Thị Hải Yến	09/09/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - QUẢN TRỊ KINH DOANH B	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	125	7,69	2,98	Khá	
268	DTE2253401010106	Nguyễn Ngọc Mai Anh	02/09/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - QUẢN TRỊ KINH DOANH C	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	125	8,3	3,44	Giỏi	
269	DTE2253401010040	Nguyễn Thị Ánh Dương	04/10/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - QUẢN TRỊ KINH DOANH C	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	125	7,87	3,14	Khá	
270	DTE2253401010226	Phạm Thị Hoa	24/09/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - QUẢN TRỊ KINH DOANH C	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	125	7,54	2,89	Khá	
271	DTE2253401010145	Bùi Quang Huy	13/12/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	K19 - QUẢN TRỊ KINH DOANH C	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	125	6,32	2,09	Trung bình	
272	DTE2253401010151	Nguyễn Hoàng Khanh	05/03/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - QUẢN TRỊ KINH DOANH C	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	125	8,67	3,64	Xuất sắc	
273	DTE2253401010233	Luân Thị Linh	02/10/2004	Thái Nguyên	Nữ	Nùng	K19 - QUẢN TRỊ KINH DOANH C	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	125	7,59	2,95	Khá	
274	DTE2253401010232	Nguyễn Thị Hoàng Linh	06/11/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - QUẢN TRỊ KINH DOANH C	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	125	7,24	2,71	Khá	
275	DTE2253401010283	Phạm Đức Mạnh	23/11/2004	Thái Nguyên	Nam	Kinh	K19 - QUẢN TRỊ KINH DOANH C	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	125	7,62	2,89	Khá	
276	DTE2253401010170	Hoàng Thị Nga	19/11/2004	Đăk Nông	Nữ	Kinh	K19 - QUẢN TRỊ KINH DOANH C	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	125	6,99	2,54	Khá	
277	DTE2253401010253	Nguyễn Thị Mai Hoa	31/07/2003	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	K19 - QUẢN TRỊ KINH DOANH C	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	125	8,04	3,2	Giỏi	
278	DTE2253401010268	Vi Thị Thu Huệ	30/09/2004	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	K19 - QUẢN TRỊ KINH DOANH C	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	125	7,61	2,99	Khá	
279	DTE2253401010212	Chu Thị Hải Yến	19/07/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - QUẢN TRỊ KINH DOANH C	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	125	7,41	2,84	Khá	
280	DTE2253401010240	Nguyễn Thị Quyển	08/07/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - QUẢN TRỊ KINH DOANH C	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	125	7,62	2,99	Khá	
281	DTE2253401010185	Bùi Thị Thanh Tâm	30/12/2004	Thái Bình	Nữ	Kinh	K19 - QUẢN TRỊ KINH DOANH C	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	125	7,69	3,09	Khá	
282	DTE2253401010193	Nguyễn Minh Thu	21/08/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - QUẢN TRỊ KINH DOANH C	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	125	6,29	2,02	Trung bình	
283	DTE2253401010220	Nguyễn Thị Chi	18/07/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - QUẢN TRỊ KINH DOANH C	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	125	8,38	3,41	Giỏi	

Số và ký hiệu: 675/QĐ-ĐHK&QTKD-ĐT
 Ngày ban hành: 15/06/2026

STT	Mã số sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp	Ngành đào tạo	Chương trình đào tạo	Số tín chỉ tích lũy	Điểm trung bình chung tích lũy hệ 10	Điểm trung bình chung tích lũy hệ 4	Xếp hạng tốt nghiệp	Ghi chú
284	DTE2153401010045	Phạm Việt Cường	16/10/2003	Thái Nguyên	Nam	Kinh	K18 - Quản trị Kinh doanh chất lượng cao	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh chất lượng cao	125	7,69	2,99	Khá	
285	DTE2153401010248	Dương Khánh Hợp	26/03/2003	Thái Nguyên	Nam	Kinh	K18 - Quản trị Kinh doanh chất lượng cao	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh chất lượng cao	125	7,32	2,79	Khá	
286	DTE2153401010130	Trương Vũ Trà My	07/10/2003	Thái Nguyên	Nữ	Ngái	K18 - Quản trị Kinh doanh chất lượng cao	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh chất lượng cao	125	8,86	3,78	Xuất sắc	
287	DTE2155106050025	Trần Thị Đông	03/08/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	K18 - LOGISTICS VÀ QUẢN LÝ CHUỖI CUNG ỨNG	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	125	7,01	2,54	Khá	
288	DTE2255106050051	Đặng Tú Anh	13/10/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - LOGISTICS VÀ QUẢN LÝ CHUỖI CUNG ỨNG	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	125	8,7	3,64	Xuất sắc	
289	DTE2255106050020	Nguyễn Duy Anh	20/11/2001	Hà Nội	Nam	Kinh	K19 - LOGISTICS VÀ QUẢN LÝ CHUỖI CUNG ỨNG	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	125	7,36	2,8	Khá	
290	DTE2255106050052	Dương Thị Ngọc Ánh	01/07/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - LOGISTICS VÀ QUẢN LÝ CHUỖI CUNG ỨNG	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	125	8,01	3,2	Giỏi	
291	DTE2255106050007	Nguyễn Thị Mai Duyên	08/06/2004	Hà Nam	Nữ	Kinh	K19 - LOGISTICS VÀ QUẢN LÝ CHUỖI CUNG ỨNG	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	125	7,72	3,01	Khá	
292	DTE2255106050003	Hoàng Thị Thu Hiền	08/03/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - LOGISTICS VÀ QUẢN LÝ CHUỖI CUNG ỨNG	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	125	8,27	3,34	Giỏi	
293	DTE2255106050055	Hoàng Thị Thu Hiền	13/12/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - LOGISTICS VÀ QUẢN LÝ CHUỖI CUNG ỨNG	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	125	7,56	2,87	Khá	
294	DTE2255106050025	Lê Mạnh Hiệu	24/03/2004	Hải Phòng	Nam	Kinh	K19 - LOGISTICS VÀ QUẢN LÝ CHUỖI CUNG ỨNG	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	125	6,9	2,5	Khá	
295	DTE2255106050056	Đỗ Thị Xuân Hoa	22/03/2004	Bắc Giang	Nữ	Kinh	K19 - LOGISTICS VÀ QUẢN LÝ CHUỖI CUNG ỨNG	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	125	7,73	3	Khá	
296	DTE2255106050026	Trần Lệ Hoa	19/12/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - LOGISTICS VÀ QUẢN LÝ CHUỖI CUNG ỨNG	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	125	8,51	3,54	Giỏi	
297	DTE2255106050012	Nguyễn Thị Huệ	30/06/2004	Bắc Giang	Nữ	Kinh	K19 - LOGISTICS VÀ QUẢN LÝ CHUỖI CUNG ỨNG	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	125	7,84	3,1	Khá	
298	DTE2255106050057	Lý Thu Huyền	26/08/2004	Thái Nguyên	Nữ	Sán Diều	K19 - LOGISTICS VÀ QUẢN LÝ CHUỖI CUNG ỨNG	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	125	7,04	2,66	Khá	
299	DTE2255106050032	Nguyễn Thị Thu Huyền	30/08/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - LOGISTICS VÀ QUẢN LÝ CHUỖI CUNG ỨNG	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	125	8,49	3,5	Giỏi	
300	DTE2255106050034	Dương Thùy Linh	20/12/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - LOGISTICS VÀ QUẢN LÝ CHUỖI CUNG ỨNG	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	125	8,13	3,29	Giỏi	
301	DTE2255106050033	Nguyễn Thị Thùy Linh	24/02/2004	Bắc Giang	Nữ	Kinh	K19 - LOGISTICS VÀ QUẢN LÝ CHUỖI CUNG ỨNG	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	125	8,21	3,39	Giỏi	
302	DTE2255106050035	Trần Hương Linh	10/10/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	K19 - LOGISTICS VÀ QUẢN LÝ CHUỖI CUNG ỨNG	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	125	7,45	2,85	Khá	
303	DTE2255106050014	Mạc Thị Thanh Mai	19/04/2004	Thái Nguyên	Nữ	Sán Diều	K19 - LOGISTICS VÀ QUẢN LÝ CHUỖI CUNG ỨNG	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	125	7,71	3,03	Khá	
304	DTE2255106050004	Nguyễn Thị Trà My	14/08/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - LOGISTICS VÀ QUẢN LÝ CHUỖI CUNG ỨNG	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	125	7,54	2,86	Khá	
305	DTE2255106050037	Đào Kim Ngân	16/04/2004	Thái Nguyên	Nữ	Tày	K19 - LOGISTICS VÀ QUẢN LÝ CHUỖI CUNG ỨNG	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	125	7,78	3	Khá	
306	DTE2255106050017	Hà Yến Nhi	25/09/2004	Hoà Bình	Nữ	Kinh	K19 - LOGISTICS VÀ QUẢN LÝ CHUỖI CUNG ỨNG	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	125	7,29	2,74	Khá	
307	DTE2255106050058	Trương Thị Nhung	18/03/2004	Hà Nội	Nữ	Kinh	K19 - LOGISTICS VÀ QUẢN LÝ CHUỖI CUNG ỨNG	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	125	7,1	2,63	Khá	

Số và ký hiệu: 675/QĐ-ĐHK&QTKD-ĐT
 Ngày ban hành: 15/06/2026

STT	Mã số sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp	Ngành đào tạo	Chương trình đào tạo	Số tín chỉ tích lũy	Điểm trung bình chung tích lũy hệ 10	Điểm trung bình chung tích lũy hệ 4	Xếp hạng tốt nghiệp	Ghi chú
308	DTE2255106050067	Vương Thị Oanh	29/09/2004	Thái Nguyên	Nữ	Nùng	K19 - LOGISTICS VÀ QUẢN LÝ CHUỖI CUNG ỨNG	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	125	6,89	2,51	Khá	
309	DTE2255106050041	Trần Đào Thu Phương	11/09/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - LOGISTICS VÀ QUẢN LÝ CHUỖI CUNG ỨNG	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	125	7,24	2,66	Khá	
310	DTE2255106050043	Phạm Thị Tú Quyên	04/08/2004	Bình Phước	Nữ	Kinh	K19 - LOGISTICS VÀ QUẢN LÝ CHUỖI CUNG ỨNG	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	125	7,82	3,06	Khá	
311	DTE2255106050061	Nguyễn Phương Thảo	10/10/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - LOGISTICS VÀ QUẢN LÝ CHUỖI CUNG ỨNG	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	125	8,11	3,3	Giỏi	
312	DTE2255106050045	Trần Thị Thu Thủy	28/08/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - LOGISTICS VÀ QUẢN LÝ CHUỖI CUNG ỨNG	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	125	6,24	2,05	Trung bình	
313	DTE2255106050044	Nguyễn Thị Anh Thư	22/09/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - LOGISTICS VÀ QUẢN LÝ CHUỖI CUNG ỨNG	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	125	8,29	3,42	Giỏi	
314	DTE2255106050047	Hoàng Thị Hương Trà	25/01/2004	Thái Nguyên	Nữ	Tày	K19 - LOGISTICS VÀ QUẢN LÝ CHUỖI CUNG ỨNG	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	125	8,03	3,22	Giỏi	
315	DTE2255106050048	Trần Quỳnh Trang	21/12/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - LOGISTICS VÀ QUẢN LÝ CHUỖI CUNG ỨNG	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	125	7,45	2,86	Khá	
316	DTE2255106050049	Trần Thị Trang	16/06/2004	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	K19 - LOGISTICS VÀ QUẢN LÝ CHUỖI CUNG ỨNG	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	125	7,52	2,9	Khá	
317	DTE2255106050062	Lê Ngọc Trâm	08/11/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - LOGISTICS VÀ QUẢN LÝ CHUỖI CUNG ỨNG	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	125	8,27	3,34	Giỏi	
318	DTE2255106050002	Dương Thị Thanh Vân	31/08/2004	Thái Nguyên	Nữ	Nùng	K19 - LOGISTICS VÀ QUẢN LÝ CHUỖI CUNG ỨNG	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	125	7,42	2,84	Khá	
319	DTE2153401200032	Đào Anh Thư	04/06/2003	Thái Nguyên	Nữ	Tày	K18 - KINH DOANH QUỐC TẾ	Kinh doanh quốc tế	Kinh doanh quốc tế	125	6,99	2,5	Khá	
320	DTE2253401200005	Dương Thành Đạt	24/05/2004	Thái Nguyên	Nam	Kinh	K19 - KINH DOANH QUỐC TẾ	Kinh doanh quốc tế	Kinh doanh quốc tế	125	8,09	3,3	Giỏi	
321	DTE2253401200002	Trần Tiến Đạt	17/07/2004	Hà Nội	Nam	Kinh	K19 - KINH DOANH QUỐC TẾ	Kinh doanh quốc tế	Kinh doanh quốc tế	125	7,65	3,04	Khá	
322	DTE2253401200001	Đoàn Mỹ Hà	21/08/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - KINH DOANH QUỐC TẾ	Kinh doanh quốc tế	Kinh doanh quốc tế	125	7,4	2,93	Khá	
323	DTE2253401200006	Hoàng Thị Khánh Hòa	24/01/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - KINH DOANH QUỐC TẾ	Kinh doanh quốc tế	Kinh doanh quốc tế	125	7,57	3,02	Khá	
324	DTE2253401200010	Lê Quang Hưng	06/12/2004	Quảng Ninh	Nam	Kinh	K19 - KINH DOANH QUỐC TẾ	Kinh doanh quốc tế	Kinh doanh quốc tế	125	7,25	2,63	Khá	
325	DTE2253401200012	Nguyễn Quang Nam	27/11/2004	Thái Nguyên	Nam	Kinh	K19 - KINH DOANH QUỐC TẾ	Kinh doanh quốc tế	Kinh doanh quốc tế	125	7,36	2,78	Khá	
326	DTE2253401200003	Ma Kim Nhân	29/02/2004	Thái Nguyên	Nữ	Tày	K19 - KINH DOANH QUỐC TẾ	Kinh doanh quốc tế	Kinh doanh quốc tế	125	8,04	3,22	Giỏi	
327	DTE2253401200004	Phạm Thị Tùng Nhi	25/02/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - KINH DOANH QUỐC TẾ	Kinh doanh quốc tế	Kinh doanh quốc tế	125	7,92	3,22	Giỏi	
328	DTE1878101030008	Phạm Ngọc Anh	27/11/2000	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K15 - Quản trị Kinh doanh Khách sạn và Du lịch	Quản trị dịch vụ du lịch và Lữ hành	Quản trị kinh doanh khách sạn và Du lịch	132	7,4	2,86	Khá	
329	DTE1878101030044	Nguyễn Thảo Nguyên	10/08/2000	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K15 - Quản trị Kinh doanh Khách sạn và Du lịch	Quản trị dịch vụ du lịch và Lữ hành	Quản trị kinh doanh khách sạn và Du lịch	126	6,54	2,24	Trung bình	
330	DTE2058101030195	Vũ Thùy Linh	08/02/2002	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K17 - Quản trị Du lịch và Khách sạn Chất lượng cao	Quản trị dịch vụ du lịch và Lữ hành	Quản trị Du lịch và khách sạn chất lượng cao	125	7,22	2,76	Khá	
331	DTE2258101030018	Trần Thị An	01/02/2004	Thái Nguyên	Nữ	Sán chay	K19 - QUẢN TRỊ KINH DOANH KHÁCH SẠN VÀ DU LỊCH	Quản trị dịch vụ du lịch và Lữ hành	Quản trị kinh doanh khách sạn và Du lịch	125	7,34	2,76	Khá	

Số và ký hiệu: 675/QĐ-ĐHK&QTKD-ĐT
 Ngày ban hành: 15/06/2026

STT	Mã số sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp	Ngành đào tạo	Chương trình đào tạo	Số tín chỉ tích lũy	Điểm trung bình chung tích lũy hệ 10	Điểm trung bình chung tích lũy hệ 4	Xếp hạng tốt nghiệp	Ghi chú
332	DTE2258101030013	Nguyễn Thị Lan Anh	01/01/2004	Hải Dương	Nữ	Kinh	K19 - QUẢN TRỊ KINH DOANH KHÁCH SẠN VÀ DU LỊCH	Quản trị dịch vụ du lịch và Lữ hành	Quản trị kinh doanh khách sạn và Du lịch	125	8,72	3,75	Xuất sắc	
333	DTE2258101030053	Houmacksone Anny	06/09/2003	LÀO	Nữ	Lưu học sinh	K19 - QUẢN TRỊ KINH DOANH KHÁCH SẠN VÀ DU LỊCH	Quản trị dịch vụ du lịch và Lữ hành	Quản trị kinh doanh khách sạn và Du lịch	125	7,79	3,19	Khá	
334	DTE2258101030038	Đỗ Anh Đức	01/06/2004	Thái Nguyên	Nam	Kinh	K19 - QUẢN TRỊ KINH DOANH KHÁCH SẠN VÀ DU LỊCH	Quản trị dịch vụ du lịch và Lữ hành	Quản trị kinh doanh khách sạn và Du lịch	125	6,88	2,54	Khá	
335	DTE2258101030014	Bùi Phương Hoa	25/02/2004	Điện Biên	Nữ	Kinh	K19 - QUẢN TRỊ KINH DOANH KHÁCH SẠN VÀ DU LỊCH	Quản trị dịch vụ du lịch và Lữ hành	Quản trị kinh doanh khách sạn và Du lịch	125	7,38	2,98	Khá	
336	DTE2258101030052	Phetxanavong Thipthida	14/04/2004	LÀO	Nữ	Lưu học sinh	K19 - QUẢN TRỊ KINH DOANH KHÁCH SẠN VÀ DU LỊCH	Quản trị dịch vụ du lịch và Lữ hành	Quản trị kinh doanh khách sạn và Du lịch	125	7,51	2,87	Khá	
337	DTE2258101030001	Dương Thị Hương Trà	01/09/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - QUẢN TRỊ KINH DOANH KHÁCH SẠN VÀ DU LỊCH	Quản trị dịch vụ du lịch và Lữ hành	Quản trị kinh doanh khách sạn và Du lịch	125	7,25	2,73	Khá	
338	DTE2258101030035	Lê Ngọc Tuyết	15/03/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - QUẢN TRỊ KINH DOANH KHÁCH SẠN VÀ DU LỊCH	Quản trị dịch vụ du lịch và Lữ hành	Quản trị kinh doanh khách sạn và Du lịch	125	7,06	2,57	Khá	
339	DTE1873401150038	Lê Như Quỳnh	29/03/2000	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K15-Quản trị Marketing	Marketing	Quản trị Marketing	130	6,09	2,05	Trung bình	
340	DTE1873401150042	Lê Thu Thảo	27/10/1998	Hung Yên	Nữ	Kinh	K15-Quản trị Marketing	Marketing	Quản trị Marketing	126	6,99	2,59	Khá	
341	DTE2053401150175	Nguyễn Thị Ngọc	18/02/2002	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K17 - QUẢN TRỊ MARKETING B	Marketing	Quản trị Marketing	128	6,98	2,58	Khá	
342	DTE2153401150163	Trần Việt Thắng	20/06/2003	Thái Nguyên	Nam	Kinh	K18 - QUẢN TRỊ MARKETING A	Marketing	Quản trị Marketing	125	6,32	2,11	Trung bình	
343	DTE2153401150173	Hoàng Thị Kim Yến	22/02/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - QUẢN TRỊ MARKETING A	Marketing	Quản trị Marketing	125	6,31	2,19	Trung bình	
344	DTE2253401150157	Huỳnh Thị Quỳnh Anh	18/03/2004	Quảng Ninh	Nữ	Kinh	K19 - QUẢN TRỊ MARKETING A	Marketing	Quản trị Marketing	125	8,76	3,67	Xuất sắc	
345	DTE2253401150156	Lê Diệp Anh	14/10/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - QUẢN TRỊ MARKETING A	Marketing	Quản trị Marketing	125	8,53	3,55	Giỏi	
346	DTE2253401150042	Lương Sao Chi	09/02/2004	Thái Nguyên	Nữ	Nùng	K19 - QUẢN TRỊ MARKETING A	Marketing	Quản trị Marketing	125	6,92	2,5	Khá	
347	DTE2253401150106	Đình Thị Nguyệt Hà	15/09/2004	Lạng Sơn	Nữ	Tày	K19 - QUẢN TRỊ MARKETING A	Marketing	Quản trị Marketing	125	7,6	2,98	Khá	
348	DTE2253401150108	Trần Minh Hằng	17/12/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - QUẢN TRỊ MARKETING A	Marketing	Quản trị Marketing	125	7,22	2,76	Khá	
349	DTE2253401150162	Nguyễn Ngọc Hân	18/10/2004	Hà Nội	Nữ	Kinh	K19 - QUẢN TRỊ MARKETING A	Marketing	Quản trị Marketing	125	8,23	3,39	Giỏi	
350	DTE2253401150113	Hoàng Thị Hiền	05/05/2004	Lạng Sơn	Nữ	Tày	K19 - QUẢN TRỊ MARKETING A	Marketing	Quản trị Marketing	125	8,05	3,23	Giỏi	
351	DTE2253401150002	Nguyễn Thảo Hiền	21/05/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - QUẢN TRỊ MARKETING A	Marketing	Quản trị Marketing	125	7,34	2,73	Khá	
352	DTE2253401150044	Nguyễn Việt Hoàn	28/10/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - QUẢN TRỊ MARKETING A	Marketing	Quản trị Marketing	125	7,59	3	Khá	
353	DTE2253401150163	Nguyễn Đình Hoàng	14/10/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	K19 - QUẢN TRỊ MARKETING A	Marketing	Quản trị Marketing	125	8,13	3,28	Giỏi	
354	DTE2253401150014	Hoàng Mai Hương	24/05/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - QUẢN TRỊ MARKETING A	Marketing	Quản trị Marketing	125	6,67	2,34	Trung bình	
355	DTE2253401150046	Ngô Thị Thanh Hường	27/02/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - QUẢN TRỊ MARKETING A	Marketing	Quản trị Marketing	125	6,43	2,18	Trung bình	

Số và ký hiệu: 675/QĐ-ĐHK&QT&ĐT
 Ngày ban hành: 15/06/2026

STT	Mã số sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp	Ngành đào tạo	Chương trình đào tạo	Số tín chỉ tích lũy	Điểm trung bình chung tích lũy hệ 10	Điểm trung bình chung tích lũy hệ 4	Xếp hạng tốt nghiệp	Ghi chú
356	DTE2253401150004	Nguyễn Thị Lan	16/11/2004	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	K19 - QUẢN TRỊ MARKETING A	Marketing	Quản trị Marketing	125	8,17	3,35	Giỏi	
357	DTE2253401150005	Đông Thị Phương Liên	30/06/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - QUẢN TRỊ MARKETING A	Marketing	Quản trị Marketing	125	7,64	3,03	Khá	
358	DTE2253401150049	Lưu Thùy Linh	16/04/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - QUẢN TRỊ MARKETING A	Marketing	Quản trị Marketing	125	7,16	2,55	Khá	
359	DTE2253401150027	Trần Thị Ngọc Linh	07/09/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - QUẢN TRỊ MARKETING A	Marketing	Quản trị Marketing	125	7,23	2,66	Khá	
360	DTE2253401150028	Trịnh Hồng Loan	23/12/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - QUẢN TRỊ MARKETING A	Marketing	Quản trị Marketing	125	6,94	2,4	Trung bình	
361	DTE2253401150050	Nguyễn Thanh Mai	02/02/2004	Thái Nguyên	Nữ	Tày	K19 - QUẢN TRỊ MARKETING A	Marketing	Quản trị Marketing	125	7,92	3,14	Khá	
362	DTE2253401150052	Lê Thị Trà My	30/03/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - QUẢN TRỊ MARKETING A	Marketing	Quản trị Marketing	125	7,62	2,92	Khá	
363	DTE2253401150136	Nguyễn Thị Trà My	05/04/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - QUẢN TRỊ MARKETING A	Marketing	Quản trị Marketing	125	7,58	2,91	Khá	
364	DTE2253401150175	Lê Thanh Phương	13/02/2004	Cao Bằng	Nữ	Nùng	K19 - QUẢN TRỊ MARKETING A	Marketing	Quản trị Marketing	125	7,48	2,89	Khá	
365	DTE2253401150054	Hà Thị Phượng	06/12/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - QUẢN TRỊ MARKETING A	Marketing	Quản trị Marketing	125	7,9	3,15	Khá	
366	DTE2253401150018	Hoàng Minh Quang	22/12/2004	Long An	Nam	Kinh	K19 - QUẢN TRỊ MARKETING A	Marketing	Quản trị Marketing	125	7,06	2,64	Khá	
367	DTE2253401150033	Đinh Thị Sang	02/09/2004	Thái Nguyên	Nữ	Sán Diều	K19 - QUẢN TRỊ MARKETING A	Marketing	Quản trị Marketing	125	6,6	2,27	Trung bình	
368	DTE2253401150034	Ngô Thị Thanh	13/12/2003	Hà Nội	Nữ	Kinh	K19 - QUẢN TRỊ MARKETING A	Marketing	Quản trị Marketing	125	7,56	2,92	Khá	
369	DTE2253401150035	Lê Thị Thanh Thảo	19/10/2004	Hưng Yên	Nữ	Kinh	K19 - QUẢN TRỊ MARKETING A	Marketing	Quản trị Marketing	125	7,42	2,9	Khá	
370	DTE2253401150036	Nguyễn Thị Thanh Thảo	07/11/2004	Lạng Sơn	Nữ	Kinh	K19 - QUẢN TRỊ MARKETING A	Marketing	Quản trị Marketing	125	7,49	2,84	Khá	
371	DTE2253401150087	Nguyễn Thị An	10/09/2004	Bắc Giang	Nữ	Kinh	K19 - QUẢN TRỊ MARKETING B	Marketing	Quản trị Marketing	125	7,27	2,72	Khá	
372	DTE2253401150091	Đoàn Lê Phương Anh	11/04/2004	Thanh Hoá	Nữ	Kinh	K19 - QUẢN TRỊ MARKETING B	Marketing	Quản trị Marketing	125	7,4	2,82	Khá	
373	DTE2253401150061	Dương Ngọc Ánh	07/08/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - QUẢN TRỊ MARKETING B	Marketing	Quản trị Marketing	125	8,01	3,22	Giỏi	
374	DTE2253401150060	Hoàng Thị Ánh	14/05/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - QUẢN TRỊ MARKETING B	Marketing	Quản trị Marketing	125	6,94	2,56	Khá	
375	DTE2253401150094	Nguyễn Thị Ánh	27/03/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - QUẢN TRỊ MARKETING B	Marketing	Quản trị Marketing	125	7,78	3,1	Khá	
376	DTE2253401150098	Hoàng Thị Kim Chi	16/04/2004	Quảng Ninh	Nữ	Tày	K19 - QUẢN TRỊ MARKETING B	Marketing	Quản trị Marketing	125	8,09	3,34	Giỏi	
377	DTE2253401150101	Nguyễn Thanh Dung	31/01/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - QUẢN TRỊ MARKETING B	Marketing	Quản trị Marketing	125	7,06	2,54	Khá	
378	DTE2253401150105	Ma Thị Thu Hà	28/04/2004	Thái Nguyên	Nữ	Tày	K19 - QUẢN TRỊ MARKETING B	Marketing	Quản trị Marketing	125	7,21	2,66	Khá	
379	DTE2253403010080	Nguyễn Thị Thu Hà	28/12/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - QUẢN TRỊ MARKETING B	Marketing	Quản trị Marketing	125	7,17	2,7	Khá	

Số và ký hiệu: 675/QĐ-ĐHK&QTKD-ĐT
 Ngày ban hành: 15/06/2026

STT	Mã số sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp	Ngành đào tạo	Chương trình đào tạo	Số tín chỉ tích lũy	Điểm trung bình chung tích lũy hệ 10	Điểm trung bình chung tích lũy hệ 4	Xếp hạng tốt nghiệp	Ghi chú
380	DTE2253401150107	Nguyễn Thị Hải	07/01/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - QUẢN TRỊ MARKETING B	Marketing	Quản trị Marketing	125	7,57	2,85	Khá	
381	DTE2253401150063	Trần Thị Mỹ Hạnh	06/09/2003	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	K19 - QUẢN TRỊ MARKETING B	Marketing	Quản trị Marketing	125	7,12	2,62	Khá	
382	DTE2253401150109	Lâm Thị Hằng	21/05/2004	Thái Nguyên	Nữ	Sán Diu	K19 - QUẢN TRỊ MARKETING B	Marketing	Quản trị Marketing	125	7,37	2,76	Khá	
383	DTE2253401150116	Hoàng Huy Hoàng	02/01/2004	Thái Nguyên	Nam	Kinh	K19 - QUẢN TRỊ MARKETING B	Marketing	Quản trị Marketing	128	8,55	3,59	Khá	Hạ hạng tốt nghiệp
384	DTE2253401150117	Lê Thị Bích Hồng	04/01/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - QUẢN TRỊ MARKETING B	Marketing	Quản trị Marketing	125	7,34	2,78	Khá	
385	DTE2253401150065	Vy Thị Huế	15/09/2004	Thái Nguyên	Nữ	Sán chay	K19 - QUẢN TRỊ MARKETING B	Marketing	Quản trị Marketing	125	7,16	2,7	Khá	
386	DTE2253401150066	Nguyễn Thị Huyền	07/02/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - QUẢN TRỊ MARKETING B	Marketing	Quản trị Marketing	125	8,09	3,29	Giỏi	
387	DTE2253401150120	Lưu Lan Hương	25/11/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - QUẢN TRỊ MARKETING B	Marketing	Quản trị Marketing	125	7,56	2,98	Khá	
388	DTE2253401150121	Nguyễn Ngọc Hương	12/04/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - QUẢN TRỊ MARKETING B	Marketing	Quản trị Marketing	125	7,41	2,8	Khá	
389	DTE2253401150167	Ma Văn Khải	13/07/2004	Thái Nguyên	Nam	Tày	K19 - QUẢN TRỊ MARKETING B	Marketing	Quản trị Marketing	125	8,45	3,54	Giỏi	
390	DTE2253401150126	Ma Khánh Kiều	02/01/2004	Tuyên Quang	Nữ	Tày	K19 - QUẢN TRỊ MARKETING B	Marketing	Quản trị Marketing	125	6,78	2,38	Trung bình	
391	DTE2253401150069	Đào Thị Thùy Linh	06/09/2004	Bắc Giang	Nữ	Kinh	K19 - QUẢN TRỊ MARKETING B	Marketing	Quản trị Marketing	125	7,12	2,66	Khá	
392	DTE2253401150129	Nguyễn Mai Linh	17/12/2004	Thái Nguyên	Nữ	Dao	K19 - QUẢN TRỊ MARKETING B	Marketing	Quản trị Marketing	125	7,41	2,81	Khá	
393	DTE2253401150071	Nguyễn Thùy Linh	21/10/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - QUẢN TRỊ MARKETING B	Marketing	Quản trị Marketing	125	7,19	2,73	Khá	
394	DTE2253401150072	Nguyễn Duy Long	14/08/2004	Thái Nguyên	Nam	Kinh	K19 - QUẢN TRỊ MARKETING B	Marketing	Quản trị Marketing	125	7,41	2,84	Khá	
395	DTE2253401150133	Ma Khánh Ly	06/02/2004	Thái Nguyên	Nữ	Tày	K19 - QUẢN TRỊ MARKETING B	Marketing	Quản trị Marketing	125	6,6	2,38	Trung bình	
396	DTE2253401150137	Hà Thị Nét	08/08/2004	Thái Nguyên	Nữ	Tày	K19 - QUẢN TRỊ MARKETING B	Marketing	Quản trị Marketing	125	6,84	2,47	Trung bình	
397	DTE2253401150075	Lường Hải Nghĩa	25/01/2004	Thái Nguyên	Nam	Tày	K19 - QUẢN TRỊ MARKETING B	Marketing	Quản trị Marketing	125	7,22	2,72	Khá	
398	DTE2253401150076	Nguyễn Minh Ngọc	18/02/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - QUẢN TRỊ MARKETING B	Marketing	Quản trị Marketing	125	6,96	2,54	Khá	
399	DTE2253401150141	Hà Thị Nhung	22/09/2004	Phú Thọ	Nữ	Kinh	K19 - QUẢN TRỊ MARKETING B	Marketing	Quản trị Marketing	125	7,51	2,96	Khá	
400	DTE2253401150077	Bàng Thị Kim Oanh	13/12/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - QUẢN TRỊ MARKETING B	Marketing	Quản trị Marketing	125	7,65	2,95	Khá	
401	DTE2253401150143	Dương Thị Kim Oanh	18/06/2004	Thái Nguyên	Nữ	Dao	K19 - QUẢN TRỊ MARKETING B	Marketing	Quản trị Marketing	125	6,7	2,39	Trung bình	
402	DTE2253401150150	Phạm Thị Thủy	22/11/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - QUẢN TRỊ MARKETING B	Marketing	Quản trị Marketing	125	8,56	3,62	Xuất sắc	
403	DTE2253401150081	Đỗ Thị Vân Thư	02/07/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - QUẢN TRỊ MARKETING B	Marketing	Quản trị Marketing	125	8,28	3,42	Giỏi	

STT	Mã số sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp	Ngành đào tạo	Chương trình đào tạo	Số tín chỉ tích lũy	Điểm trung bình chung tích lũy hệ 10	Điểm trung bình chung tích lũy hệ 4	Xếp hạng tốt nghiệp	Ghi chú
404	DTE2253401150181	Vi Thị Thùy Tiên	15/02/2004	Bắc Giang	Nữ	Tày	K19 - QUẢN TRỊ MARKETING B	Marketing	Quản trị Marketing	125	6,6	2,34	Trung bình	
405	DTE2253401150085	Nguyễn Thị Thu Trang	24/10/2004	Bắc Giang	Nữ	Kinh	K19 - QUẢN TRỊ MARKETING B	Marketing	Quản trị Marketing	125	8,24	3,34	Giỏi	
406	DTE2253401150086	Hoàng Thị Xuyên	13/05/2004	Thái Nguyên	Nữ	Nùng	K19 - QUẢN TRỊ MARKETING B	Marketing	Quản trị Marketing	125	7,46	2,86	Khá	
407	DTE2253401150203	Vũ Thị Hồng Cur	15/03/2004	Ninh Bình	Nữ	Kinh	K19 - QUẢN TRỊ MARKETING C	Marketing	Quản trị Marketing	125	7,02	2,58	Khá	
408	DTE2253401150212	Dương Thùy Dung	13/07/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - QUẢN TRỊ MARKETING C	Marketing	Quản trị Marketing	125	7,09	2,59	Khá	
409	DTE2253401150186	Dương Thị Đào	03/03/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - QUẢN TRỊ MARKETING C	Marketing	Quản trị Marketing	125	8,04	3,28	Giỏi	
410	DTE2253401150114	Hà Thị Hiếu	07/07/2004	Thái Nguyên	Nữ	Tày	K19 - QUẢN TRỊ MARKETING C	Marketing	Quản trị Marketing	125	7,54	2,95	Khá	
411	DTE2253401150165	Nguyễn Mạnh Hùng	04/02/2004	Thái Nguyên	Nam	Kinh	K19 - QUẢN TRỊ MARKETING C	Marketing	Quản trị Marketing	125	7,49	2,9	Khá	
412	DTE2253401150166	Nguyễn Thị Huyền	17/01/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - QUẢN TRỊ MARKETING C	Marketing	Quản trị Marketing	125	7,68	2,98	Khá	
413	DTE2253401150124	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	11/08/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - QUẢN TRỊ MARKETING C	Marketing	Quản trị Marketing	125	8,11	3,38	Giỏi	
414	DTE2253401150128	Nguyễn Thị Bích Liên	22/08/2004	Thái Nguyên	Nữ	Tày	K19 - QUẢN TRỊ MARKETING C	Marketing	Quản trị Marketing	125	7,36	2,78	Khá	
415	DTE2253401150194	Đặng Thị Loan	29/12/2004	Thái Nguyên	Nữ	Sán Diù	K19 - QUẢN TRỊ MARKETING C	Marketing	Quản trị Marketing	125	6,94	2,51	Khá	
416	DTE2253401150132	Hứa Thị Ly Ly	20/06/2004	Thái Nguyên	Nữ	Nùng	K19 - QUẢN TRỊ MARKETING C	Marketing	Quản trị Marketing	125	6,56	2,33	Trung bình	
417	DTE2253401150171	Đào Thị Mai	16/07/2004	Bắc Giang	Nữ	Kinh	K19 - QUẢN TRỊ MARKETING C	Marketing	Quản trị Marketing	125	7,39	2,8	Khá	
418	DTE2253401150195	Trần Thị Ngọc Mai	13/04/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - QUẢN TRỊ MARKETING C	Marketing	Quản trị Marketing	125	6,97	2,53	Khá	
419	DTE2253401150051	Doãn Đức Mạnh	06/05/2004	Thái Nguyên	Nam	Kinh	K19 - QUẢN TRỊ MARKETING C	Marketing	Quản trị Marketing	125	8,12	3,32	Giỏi	
420	DTE2253401150205	Phạm Thị Thảo Nguyên	12/09/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - QUẢN TRỊ MARKETING C	Marketing	Quản trị Marketing	125	6,9	2,56	Khá	
421	DTE2253401150174	Hà Yến Nhi	20/07/2004	Hà Giang	Nữ	Dao	K19 - QUẢN TRỊ MARKETING C	Marketing	Quản trị Marketing	125	7,12	2,63	Khá	
422	DTE2253401150139	Nguyễn Thị Linh Nhi	11/10/2004	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	K19 - QUẢN TRỊ MARKETING C	Marketing	Quản trị Marketing	125	7,56	2,92	Khá	
423	DTE2253401150196	Hoàng Thị Nhung	09/11/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - QUẢN TRỊ MARKETING C	Marketing	Quản trị Marketing	125	7,48	2,89	Khá	
424	DTE2253401150176	Lý Thị Hoài Phương	09/05/2004	Thái Nguyên	Nữ	Sán chỉ	K19 - QUẢN TRỊ MARKETING C	Marketing	Quản trị Marketing	125	7,35	2,89	Khá	
425	DTE2253401150031	Đỗ Đan Phương	09/02/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - QUẢN TRỊ MARKETING C	Marketing	Quản trị Marketing	125	7,63	2,97	Khá	
426	DTE2253401150145	Liêu Thị Khánh Phương	21/01/2004	Thái Nguyên	Nữ	Tày	K19 - QUẢN TRỊ MARKETING C	Marketing	Quản trị Marketing	125	6,73	2,41	Trung bình	
427	DTE2253401150206	Nguyễn Văn Quang	01/06/2004	Thái Nguyên	Nam	Kinh	K19 - QUẢN TRỊ MARKETING C	Marketing	Quản trị Marketing	125	8,5	3,48	Giỏi	

STT	Mã số sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp	Ngành đào tạo	Chương trình đào tạo	Số tín chỉ tích lũy	Điểm trung bình chung tích lũy hệ 10	Điểm trung bình chung tích lũy hệ 4	Xếp hạng tốt nghiệp	Ghi chú
428	DTE2253401150179	Dương Thị Thùy	09/07/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - QUẢN TRỊ MARKETING C	Marketing	Quản trị Marketing	125	7,72	3,08	Khá	
429	DTE2253401150149	Vũ Thị Thư	06/02/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - QUẢN TRỊ MARKETING C	Marketing	Quản trị Marketing	125	7	2,54	Khá	
430	DTE2253401150182	Chu Minh Tiến	20/09/2004	Thái Nguyên	Nam	Sán Diều	K19 - QUẢN TRỊ MARKETING C	Marketing	Quản trị Marketing	125	7,39	2,86	Khá	
431	DTE2253401150201	Đỗ Hữu Toàn	12/03/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	K19 - QUẢN TRỊ MARKETING C	Marketing	Quản trị Marketing	125	7,2	2,7	Khá	
432	DTE2253401150151	Lê Thị Huyền Trang	23/01/2004	Cao Bằng	Nữ	Tày	K19 - QUẢN TRỊ MARKETING C	Marketing	Quản trị Marketing	125	7,37	2,82	Khá	
433	DTE2253401150057	Nguyễn Thị Huyền Trang	14/10/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - QUẢN TRỊ MARKETING C	Marketing	Quản trị Marketing	125	6,2	2,07	Trung bình	
434	DTE2253401150154	Nguyễn Thảo Vân	12/09/2004	Hà Nội	Nữ	Kinh	K19 - QUẢN TRỊ MARKETING C	Marketing	Quản trị Marketing	125	8,27	3,42	Giỏi	
435	DTE2253401150039	Ngô Thúy Vy	30/06/2004	Bắc Giang	Nữ	Kinh	K19 - QUẢN TRỊ MARKETING C	Marketing	Quản trị Marketing	125	7,83	3,1	Khá	
436	DTE1873101010007	Nguyễn Văn Hùng	02/12/2000	Thái Nguyên	Nam	Nùng	K15-Kinh tế đầu tư	Kinh tế đầu tư	Kinh tế đầu tư	129	6,89	2,6	Khá	
437	DTE2053101040035	Khương Vũ Trung	13/03/2002	Thái Nguyên	Nam	Kinh	K17 - KINH TẾ ĐẦU TƯ	Kinh tế đầu tư	Kinh tế đầu tư	128	6,13	2,07	Trung bình	
438	DTE2153101040015	Nguyễn Ngọc Nam	16/05/2003	Thái Nguyên	Nam	Kinh	K18 - KINH TẾ ĐẦU TƯ A	Kinh tế đầu tư	Kinh tế đầu tư	128	6,29	2,1	Trung bình	
439	DTE2153101040001	Nguyễn Hồng Dương	13/08/2003	Thái Nguyên	Nam	Kinh	K18 - KINH TẾ ĐẦU TƯ A	Kinh tế đầu tư	Kinh tế đầu tư	125	6,95	2,53	Khá	
440	DTE2153101040017	Nguyễn Đình Huy	07/09/2003	Thái Nguyên	Nam	Kinh	K18 - KINH TẾ ĐẦU TƯ A	Kinh tế đầu tư	Kinh tế đầu tư	128	6,81	2,52	Khá	
441	DTE2153101040048	Đình Hữu Lộc	29/10/2003	Thái Nguyên	Nam	Kinh	K18 - KINH TẾ ĐẦU TƯ A	Kinh tế đầu tư	Kinh tế đầu tư	125	6,74	2,34	Trung bình	
442	DTE2153101010025	Đoàn Tuấn Dương	25/09/2003	Thái Nguyên	Nam	Kinh	K18 - KINH TẾ ĐẦU TƯ B	Kinh tế đầu tư	Kinh tế đầu tư	125	6,07	2,05	Trung bình	
443	DTE2153101040025	Phạm Văn Sơn	25/01/2003	Thái Nguyên	Nam	Kinh	K18 - KINH TẾ ĐẦU TƯ B	Kinh tế đầu tư	Kinh tế đầu tư	125	6,88	2,42	Trung bình	
444	DTE2253101040016	Thân Thị Thu Hiền	24/11/2004	Bắc Giang	Nữ	Kinh	K19 - KINH TẾ ĐẦU TƯ	Kinh tế đầu tư	Kinh tế đầu tư	125	8,22	3,34	Giỏi	
445	DTE2253101040027	Dương Văn Kiên	18/06/2004	Thái Nguyên	Nam	Kinh	K19 - KINH TẾ ĐẦU TƯ	Kinh tế đầu tư	Kinh tế đầu tư	125	7,44	2,9	Khá	
446	DTE2253101040028	Lương Thanh Lam	05/05/2004	Thái Nguyên	Nữ	Tày	K19 - KINH TẾ ĐẦU TƯ	Kinh tế đầu tư	Kinh tế đầu tư	125	7,15	2,68	Khá	
447	DTE2253101040029	Lưu Phương Linh	20/10/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - KINH TẾ ĐẦU TƯ	Kinh tế đầu tư	Kinh tế đầu tư	125	8,71	3,62	Xuất sắc	
448	DTE2253101040004	Dương Thị Ngọc	24/03/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - KINH TẾ ĐẦU TƯ	Kinh tế đầu tư	Kinh tế đầu tư	125	7,14	2,6	Khá	
449	DTE2253101040051	Phạm Gia Thái	09/01/1999	Thái Nguyên	Nam	Mường	K19 - KINH TẾ ĐẦU TƯ	Kinh tế đầu tư	Kinh tế đầu tư	125	7,85	3,11	Khá	
450	DTE2253101040013	Nguyễn Thu Uyên	24/09/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - KINH TẾ ĐẦU TƯ	Kinh tế đầu tư	Kinh tế đầu tư	125	7,26	2,82	Khá	
451	DTE2253101040012	Trần Thị Thu Uyên	31/08/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - KINH TẾ ĐẦU TƯ	Kinh tế đầu tư	Kinh tế đầu tư	125	7,37	2,7	Khá	

Số và ký hiệu: 675/QĐ-ĐHK&QTKD-ĐT
 Ngày ban hành: 15/06/2026

STT	Mã số sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp	Ngành đào tạo	Chương trình đào tạo	Số tín chỉ tích lũy	Điểm trung bình chung tích lũy hệ 10	Điểm trung bình chung tích lũy hệ 4	Xếp hạng tốt nghiệp	Ghi chú
452	DTE2253101050006	Hà Huy Hoàng	28/06/2004	Lào Cai	Nam	Kinh	K19 - KINH TẾ PHÁT TRIỂN	Kinh tế phát triển	Kinh tế phát triển	125	8,21	3,35	Giỏi	
453	DTE2253101050004	Nguyễn Thị Thanh	23/06/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - KINH TẾ PHÁT TRIỂN	Kinh tế phát triển	Kinh tế phát triển	125	7,25	2,7	Khá	
454	DTE2253101050014	Nguyễn Xuân Thắng	07/09/2001	Thái Nguyên	Nam	Kinh	K19 - KINH TẾ PHÁT TRIỂN	Kinh tế phát triển	Kinh tế phát triển	125	7,27	2,69	Khá	
455	DTE2253101010007	Nguyễn Trung Hiếu	21/05/2002	Hải Phòng	Nam	Kinh	K19 - KINH TẾ	Kinh tế	Kinh tế	125	6,87	2,47	Trung bình	
456	DTE2253101010027	Dương Thùy Dung	24/06/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - KINH TẾ	Kinh tế	Kinh tế	125	8,6	3,63	Giỏi	Hạ hạng tốt nghiệp
457	DTE2253101010046	Dương Thị Điệp	26/03/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - KINH TẾ	Kinh tế	Kinh tế	125	8,22	3,37	Giỏi	
458	DTE2253101010028	Trần Thân Giáp	06/01/2004	Thái Nguyên	Nam	Kinh	K19 - KINH TẾ	Kinh tế	Kinh tế	128	7,19	2,67	Khá	
459	DTE2253101010019	Hoàng Thị Thu Hiền	03/10/2004	Thái Nguyên	Nữ	Nùng	K19 - KINH TẾ	Kinh tế	Kinh tế	125	7,49	2,84	Khá	
460	DTE2253101010011	Hoàng Thu Hiền	24/08/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - KINH TẾ	Kinh tế	Kinh tế	125	8,36	3,45	Giỏi	
461	DTE2253101010008	Dương Quỳnh Hương	14/06/2004	Hà Nội	Nữ	Kinh	K19 - KINH TẾ	Kinh tế	Kinh tế	125	6,94	2,57	Khá	
462	DTE2253101010076	Xaysavath Latthida	06/07/2003	LÀO	Nữ	Lưu học sinh	K19 - KINH TẾ	Kinh tế	Kinh tế	126	7,15	2,65	Khá	
463	DTE2253101010034	Lâm Đức Minh	19/12/2004	Thái Nguyên	Nam	Kinh	K19 - KINH TẾ	Kinh tế	Kinh tế	125	6,89	2,54	Khá	
464	DTE2253101010035	Vũ Thị Thanh Ngân	01/09/2004	Bắc Giang	Nữ	Kinh	K19 - KINH TẾ	Kinh tế	Kinh tế	125	8,12	3,26	Giỏi	
465	DTE2253101010013	Tạ Thị Bích Ngọc	16/07/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - KINH TẾ	Kinh tế	Kinh tế	125	8,38	3,52	Giỏi	
466	DTE2253101010050	Ngô Thị Bích Nguyệt	27/09/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - KINH TẾ	Kinh tế	Kinh tế	125	7,34	2,8	Khá	
467	DTE2253101010065	Mai Thị Phương	14/02/2002	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - KINH TẾ	Kinh tế	Kinh tế	125	9,17	3,82	Xuất sắc	
468	DTE2253101010052	Nguyễn Thị Thu Phương	02/10/2004	Bắc Giang	Nữ	Kinh	K19 - KINH TẾ	Kinh tế	Kinh tế	125	7,53	2,87	Khá	
469	DTE2253101010022	Phạm Mai Phương	04/12/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - KINH TẾ	Kinh tế	Kinh tế	125	7,44	2,88	Khá	
470	DTE2253101010069	Lâm Thị Phương	12/12/2002	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	K19 - KINH TẾ	Kinh tế	Kinh tế	125	7,32	2,74	Khá	
471	DTE2253101010071	Vũ Như Quỳnh	15/11/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - KINH TẾ	Kinh tế	Kinh tế	125	6,94	2,53	Khá	
472	DTE2253101010041	Hà Thiện Tâm	12/08/2002	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - KINH TẾ	Kinh tế	Kinh tế	125	7,16	2,7	Khá	
473	DTE2253101010042	Nguyễn Thị Thùy	03/05/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - KINH TẾ	Kinh tế	Kinh tế	125	7,36	2,81	Khá	
474	DTE2253101010075	Nguyễn Thị Thương	06/07/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	K19 - KINH TẾ	Kinh tế	Kinh tế	125	8,94	3,77	Xuất sắc	
475	DTE2253401200018	Hoàng Trung Tín	25/07/2002	Hà Giang	Nam	Tày	K19 - KINH TẾ	Kinh tế	Kinh tế	125	7,12	2,66	Khá	

STT	Mã số sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp	Ngành đào tạo	Chương trình đào tạo	Số tín chỉ tích lũy	Điểm trung bình chung tích lũy hệ 10	Điểm trung bình chung tích lũy hệ 4	Xếp hạng tốt nghiệp	Ghi chú
476	DTE2253101010043	Doanh Thị Trang	10/06/2004	Thái Nguyên	Nữ	Tày	K19 - KINH TẾ	Kinh tế	Kinh tế	125	7,72	3,02	Khá	
477	DTE2253101010066	Phùng Thị Trang	11/01/2004	Thái Nguyên	Nữ	Nùng	K19 - KINH TẾ	Kinh tế	Kinh tế	125	8,31	3,46	Giỏi	
478	DTE2253101010055	Vũ Ngọc Trâm	24/12/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - KINH TẾ	Kinh tế	Kinh tế	128	7,16	2,67	Khá	
479	DTE1873402010044	Nguyễn Thị Hương	10/10/2000	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K15 - Tài chính Doanh nghiệp	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính doanh nghiệp	126	6,38	2,19	Trung bình	
480	DTE2153402010065	Nông Thị Minh Anh	26/03/2003	Thái Nguyên	Nữ	Nùng	K18 - TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP A	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính doanh nghiệp	125	6,9	2,55	Khá	
481	DTE2153402010083	Hoàng Thị Yến Nhi	13/02/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP B	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính doanh nghiệp	125	6,37	2,18	Trung bình	
482	DTE2153402010076	Nguyễn Như Quỳnh	24/08/2003	Hưng Yên	Nữ	Kinh	K18 - TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP B	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính doanh nghiệp	125	6,41	2,12	Trung bình	
483	DTE2053402010055	Lê Đức Mạnh	03/08/2002	Thái Nguyên	Nam	Kinh	K17 - TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG B	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính ngân hàng	125	6,24	2,05	Trung bình	
484	DTE2053402010167	Vi Trung Quân	23/05/2002	Thái Nguyên	Nam	Tày	K17 - TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG B	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính ngân hàng	125	6,16	2,04	Trung bình	
485	DTE2153402010049	Lưu Đức Chiến	01/10/2003	Thái Nguyên	Nam	Kinh	K18 - TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính ngân hàng	125	6,22	2,06	Trung bình	
486	DTE2153402010017	Nguyễn Thị Kim May	25/11/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính ngân hàng	125	6,26	2,04	Trung bình	
487	DTE2153402010022	Nguyễn Thị Linh Chi	01/10/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính ngân hàng	128	7,71	3,02	Khá	
488	DTE2253402010010	Nguyễn Thị Thu An	23/02/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính doanh nghiệp	125	7,15	2,65	Khá	
489	DTE2253402010054	Nguyễn Phương Anh	04/08/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính doanh nghiệp	125	7,37	2,78	Khá	
490	DTE2253402010056	Phạm Thùy Dương	15/06/2004	Thái Nguyên	Nữ	Sán Diu	K19 - TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính doanh nghiệp	125	7,09	2,63	Khá	
491	DTE2253402010057	Nguyễn Thị Huyền	17/07/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính doanh nghiệp	125	7,63	3,03	Khá	
492	DTE2253402010021	Nguyễn Thị Thu Huyền	10/01/2004	Bắc Giang	Nữ	Kinh	K19 - TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính doanh nghiệp	125	7,29	2,79	Khá	
493	DTE2253402010058	Nguyễn Thanh Lam	03/06/2004	Thái Nguyên	Nữ	Dao	K19 - TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính doanh nghiệp	125	7,52	2,94	Khá	
494	DTE2253402010059	Nghiêm Thị Hương Mai	28/01/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính doanh nghiệp	125	8,2	3,33	Khá	Hạ hạng tốt nghiệp
495	DTE2253402010089	Nguyễn Trà My	16/08/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính doanh nghiệp	125	7,43	2,85	Khá	
496	DTE2253402010043	Cao Thu Quỳnh	04/07/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính doanh nghiệp	125	7,99	3,2	Khá	Hạ hạng tốt nghiệp
497	DTE2253402010044	Nguyễn Thị Thanh Tâm	25/12/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính doanh nghiệp	125	7,34	2,72	Khá	
498	DTE2253402010066	Ngô Thị Phương Thảo	28/04/2004	Thái Nguyên	Nữ	Tày	K19 - TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính doanh nghiệp	125	7,23	2,82	Khá	
499	DTE2253402010104	Chu Thị Hoài Thu	31/07/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính doanh nghiệp	125	7,39	2,89	Khá	

Số và ký hiệu: 675/QĐ-ĐHK&QTKD-ĐT
 Ngày ban hành: 15/06/2026

STT	Mã số sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp	Ngành đào tạo	Chương trình đào tạo	Số tín chỉ tích lũy	Điểm trung bình chung tích lũy hệ 10	Điểm trung bình chung tích lũy hệ 4	Xếp hạng tốt nghiệp	Ghi chú
500	DTE2253402010013	Chu Quang Anh	28/08/2004	Thái Nguyên	Nam	Nùng	K19 - TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG A	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính ngân hàng	125	7,91	3,25	Giỏi	
501	DTE2253402010011	Đình Quỳnh Anh	07/06/2004	Thái Nguyên	Nữ	Cao-lan	K19 - TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG A	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính ngân hàng	125	6,24	2,06	Trung bình	
502	DTE2253402010015	Hoàng Thị Hồng Ánh	24/09/2004	Thái Nguyên	Nữ	Nùng	K19 - TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG A	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính ngân hàng	125	6,55	2,22	Trung bình	
503	DTE2253402010138	Nguyễn Gia Bảo	01/06/2004	Thái Nguyên	Nam	Kinh	K19 - TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG A	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính ngân hàng	125	7,43	2,88	Khá	
504	DTE2253402010117	Nguyễn Thị Chi	12/02/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG A	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính ngân hàng	125	7,75	3,07	Khá	
505	DTE2253402010032	Nguyễn Tú Chi	16/10/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG A	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính ngân hàng	125	8,55	3,55	Giỏi	
506	DTE2253402010017	Trần Thị Kim Dung	14/04/2004	Hà Nam	Nữ	Kinh	K19 - TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG A	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính ngân hàng	125	7,53	2,88	Khá	
507	DTE2253402010034	Nguyễn Thị Thùy Dương	07/09/2004	Bắc Giang	Nữ	Kinh	K19 - TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG A	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính ngân hàng	125	8,33	3,32	Giỏi	
508	DTE2253402010124	Bùi Đình Nguyên Giáp	06/04/2004	Hà Giang	Nam	Kinh	K19 - TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG A	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính ngân hàng	125	7,03	2,54	Khá	
509	DTE2253402010002	Nguyễn Thu Hiền	28/12/2004	Thái Nguyên	Nữ	Nùng	K19 - TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG A	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính ngân hàng	125	7,57	2,99	Khá	
510	DTE2253402010018	Vũ Thu Hiền	21/11/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG A	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính ngân hàng	125	7	2,54	Khá	
511	DTE2253402010125	Lương Trung Hiếu	21/08/1998	Thái Nguyên	Nam	Tày	K19 - TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG A	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính ngân hàng	125	7,59	2,98	Khá	
512	DTE2253402010136	Trần Thị Thu Hoài	15/03/2004	Bắc Giang	Nữ	Kinh	K19 - TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG A	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính ngân hàng	125	8,22	3,32	Giỏi	
513	DTE2253402010020	Bùi Quốc Huy	09/01/2004	Thái Nguyên	Nam	Kinh	K19 - TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG A	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính ngân hàng	125	8,15	3,38	Giỏi	
514	DTE2253402010037	An Thu Hương	05/12/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG A	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính ngân hàng	125	7,23	2,78	Khá	
515	DTE2253402010119	Phạm Thị Hương	02/01/2004	Thái Nguyên	Nữ	Sán chỉ	K19 - TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG A	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính ngân hàng	125	7,06	2,6	Khá	
516	DTE2253402010038	Đỗ Thúy Hường	17/02/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG A	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính ngân hàng	125	8,62	3,62	Xuất sắc	
517	DTE2253402010022	Nguyễn Duy Khánh	18/04/2004	Thái Nguyên	Nam	Kinh	K19 - TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG A	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính ngân hàng	125	6,91	2,62	Khá	
518	DTE2253402010005	Trần Trung Kiên	14/11/2000	Thái Nguyên	Nam	Kinh	K19 - TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG A	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính ngân hàng	125	8,09	3,3	Giỏi	
519	DTE2253402010023	Hoàng Thị Là	19/04/2004	Thái Nguyên	Nữ	Nùng	K19 - TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG A	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính ngân hàng	125	7,69	2,97	Khá	
520	DTE2253402010131	Vàng Thị Lương	12/04/2004	Hà Giang	Nữ	Tày	K19 - TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG A	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính ngân hàng	125	7,46	2,89	Khá	
521	DTE2253402010026	Nguyễn Chi Mai	11/08/2004	Thái Nguyên	Nữ	Tày	K19 - TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG A	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính ngân hàng	125	8,3	3,5	Giỏi	
522	DTE2253402010042	Phạm Thúy Ngân	18/03/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG A	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính ngân hàng	125	7,46	2,91	Khá	
523	DTE2253402010027	Hoàng Thị Nha	10/04/2004	Cao Bằng	Nữ	Tày	K19 - TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG A	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính ngân hàng	125	8,27	3,41	Giỏi	

STT	Mã số sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp	Ngành đào tạo	Chương trình đào tạo	Số tín chỉ tích lũy	Điểm trung bình chung tích lũy hệ 10	Điểm trung bình chung tích lũy hệ 4	Xếp hạng tốt nghiệp	Ghi chú
524	DTE2253402010147	Lý Thu Phương	20/07/2004	Thái Nguyên	Nữ	Nùng	K19 - TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG A	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính ngân hàng	125	7,42	2,81	Khá	
525	DTE2253402010008	Vũ Như Quỳnh	01/08/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG A	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính ngân hàng	125	8,29	3,44	Giỏi	
526	DTE2253402010045	Nguyễn Thị Thu	04/01/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG A	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính ngân hàng	125	7,32	2,83	Khá	
527	DTE2253402010141	Ngô Văn Hiệp	04/07/2003	Thái Nguyên	Nam	Kinh	K19 - TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG B	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính ngân hàng	125	6,43	2,16	Trung bình	
528	DTE2253402010070	Nguyễn Việt Anh	12/04/2004	Thái Nguyên	Nam	Cao-lan	K19 - TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG B	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính ngân hàng	125	6,12	2	Trung bình	
529	DTE2253402010134	Nguyễn Thị Chanh	25/11/2004	Hà Nội	Nữ	Kinh	K19 - TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG B	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính ngân hàng	125	7,36	2,84	Khá	
530	DTE2253402010072	Nguyễn Mạnh Dũng	19/09/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	K19 - TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG B	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính ngân hàng	125	7,65	3,03	Khá	
531	DTE2253402010073	Nguyễn Hương Giang	11/08/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG B	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính ngân hàng	125	8,13	3,33	Giỏi	
532	DTE2253402010075	Nguyễn Thị Hằng	28/06/2000	Bắc Giang	Nữ	Kinh	K19 - TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG B	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính ngân hàng	125	8	3,3	Khá	Hạ hạng tốt nghiệp
533	DTE2253402010083	Đinh Ngọc Lan	20/11/2002	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG B	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính ngân hàng	125	7,03	2,54	Khá	
534	DTE2253402010085	Lý Thị Ngọc Linh	11/02/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG B	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính ngân hàng	125	7,89	3,25	Giỏi	
535	DTE2253402010090	Nguyễn Trà My	16/09/2004	Bắc Giang	Nữ	Tày	K19 - TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG B	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính ngân hàng	125	6,51	2,25	Trung bình	
536	DTE2253402010091	Đặng Trần Vũ Nam	02/12/2004	Hà Nội	Nam	Kinh	K19 - TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG B	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính ngân hàng	125	7,4	2,83	Khá	
537	DTE2253402010093	Thái Thanh Nga	25/04/2004	Cao Bằng	Nữ	Tày	K19 - TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG B	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính ngân hàng	125	7,73	3,04	Khá	
538	DTE2253402010096	Phạm Hữu Phú	07/06/2004	Hà Nội	Nam	Kinh	K19 - TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG B	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính ngân hàng	125	8,03	3,26	Giỏi	
539	DTE2253402010100	Đỗ Phương Quỳnh	24/10/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG B	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính ngân hàng	125	7,9	3,19	Khá	
540	DTE2253402010101	Mã Thị Anh Tâm	06/12/2003	Thái Nguyên	Nữ	Tày	K19 - TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG B	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính ngân hàng	125	7,08	2,52	Khá	
541	DTE2253402010102	Trần Tuệ Tâm	06/08/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG B	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính ngân hàng	125	7,44	2,98	Khá	
542	DTE2253402010067	Bùi Thị Anh Thư	04/05/2004	Quảng Ninh	Nữ	Kinh	K19 - TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG B	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính ngân hàng	125	7,1	2,57	Khá	
543	DTE2253402010132	Trần Thị Huyền Trang	23/12/2004	Thái Bình	Nữ	Kinh	K19 - TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG B	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính ngân hàng	125	7,8	3,09	Khá	
544	DTE2253402010123	Nguyễn Thị Tuyết	30/01/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG B	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính ngân hàng	125	8,6	3,56	Giỏi	
545	DTE2253402010109	Đàm Đình Tương	31/07/2004	Hà Nội	Nam	Kinh	K19 - TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG B	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính ngân hàng	125	7,5	2,91	Khá	
546	DTE2253402010110	Ngô Hoàng Hà Uyên	13/10/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG B	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính ngân hàng	125	8,34	3,48	Giỏi	
547	DTE2253402010111	Nông Thị Thu Uyên	20/08/2003	Yên Bái	Nữ	Tày	K19 - TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG B	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính ngân hàng	125	7,59	2,93	Khá	

Số và ký hiệu: 675/QĐ-ĐHK&QTKD-ĐT
 Ngày ban hành: 15/06/2026

STT	Mã số sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp	Ngành đào tạo	Chương trình đào tạo	Số tín chỉ tích lũy	Điểm trung bình chung tích lũy hệ 10	Điểm trung bình chung tích lũy hệ 4	Xếp hạng tốt nghiệp	Ghi chú
548	DTE2253402010112	Hoàng Hà Nhật Yên	09/02/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG B	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính ngân hàng	125	9,15	3,87	Xuất sắc	
549	DTE1873801070035	Lò Thị Kim Loan	28/09/2000	Điện Biên	Nữ	Thái	K15 - Luật Kinh doanh A	Luật kinh tế	Luật kinh doanh	126	6,37	2,03	Trung bình	
550	DTE1873801070069	Dương Thành Trung	04/10/2000	Thái Nguyên	Nam	Kinh	K15 - Luật Kinh doanh B	Luật kinh tế	Luật kinh doanh	127	6,34	2,13	Trung bình	
551	DTE2153801070065	Trịnh Ngọc Ánh	16/05/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K18 - LUẬT KINH TẾ	Luật kinh tế	Luật kinh tế	125	6,99	2,54	Khá	
552	DTE2153801070100	Bạc Cẩm Trường	08/10/2003	Sơn La	Nam	Thái	K18 - LUẬT KINH TẾ	Luật kinh tế	Luật kinh tế	127	6,45	2,23	Trung bình	
553	DTE2253801070001	Dương Tuấn Anh	17/04/2004	Thái Nguyên	Nam	Kinh	K19 - LUẬT KINH TẾ	Luật kinh tế	Luật kinh tế	125	6,41	2,19	Trung bình	
554	DTE2253801070050	Giáp Thị Phương Anh	20/09/2004	Bắc Giang	Nữ	Kinh	K19 - LUẬT KINH TẾ	Luật kinh tế	Luật kinh tế	125	7,54	2,81	Khá	
555	DTE2253801070049	Lưu Quỳnh Anh	22/10/2004	Thái Nguyên	Nữ	Sán Diều	K19 - LUẬT KINH TẾ	Luật kinh tế	Luật kinh tế	125	7,46	2,82	Khá	
556	DTE2253801070029	Nguyễn Minh Anh	12/04/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - LUẬT KINH TẾ	Luật kinh tế	Luật kinh tế	125	8,42	3,5	Giỏi	
557	DTE2253801070080	Ninh Thị Lan Anh	21/03/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - LUẬT KINH TẾ	Luật kinh tế	Luật kinh tế	125	7,93	3,1	Khá	
558	DTE2253801070028	Trịnh Kiều Anh	19/12/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - LUẬT KINH TẾ	Luật kinh tế	Luật kinh tế	125	8,23	3,44	Giỏi	
559	DTE2253801070035	Trịnh Thị Thanh Bình	18/10/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - LUẬT KINH TẾ	Luật kinh tế	Luật kinh tế	125	7,08	2,68	Khá	
560	DTE2253801070071	Hoàng Khánh Châu	16/09/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - LUẬT KINH TẾ	Luật kinh tế	Luật kinh tế	125	8,36	3,62	Giỏi	Hạ hạng tốt nghiệp
561	DTE2253801070013	Hà Bích Diệp	26/01/2004	Thái Nguyên	Nữ	Tày	K19 - LUẬT KINH TẾ	Luật kinh tế	Luật kinh tế	125	7,09	2,65	Khá	
562	DTE2253801070054	Lương Thị Huyền Diệu	09/09/2004	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	K19 - LUẬT KINH TẾ	Luật kinh tế	Luật kinh tế	125	6,61	2,3	Trung bình	
563	DTE2253801070048	Bùi Đức Hải Đăng	02/02/2004	Quảng Ninh	Nam	Kinh	K19 - LUẬT KINH TẾ	Luật kinh tế	Luật kinh tế	125	6,92	2,51	Khá	
564	DTE2253801070018	Mông Thị Thu Hằng	21/06/2004	Cao Bằng	Nữ	Nùng	K19 - LUẬT KINH TẾ	Luật kinh tế	Luật kinh tế	125	7,32	2,79	Khá	
565	DTE2253801070030	Nguyễn Quỳnh Hương	22/04/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - LUẬT KINH TẾ	Luật kinh tế	Luật kinh tế	125	8,83	3,82	Xuất sắc	
566	DTE2253801070004	Vũ Trung Kiên	30/07/2004	Quảng Ninh	Nam	Kinh	K19 - LUẬT KINH TẾ	Luật kinh tế	Luật kinh tế	125	7,09	2,65	Khá	
567	DTE2253801070021	Nguyễn Thảo Linh	27/06/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - LUẬT KINH TẾ	Luật kinh tế	Luật kinh tế	125	8,12	3,36	Giỏi	
568	DTE2253801070038	Trần Thùy Ngân	18/04/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - LUẬT KINH TẾ	Luật kinh tế	Luật kinh tế	125	8,06	3,26	Giỏi	
569	DTE2253801070023	Phạm Thảo Nguyên	13/10/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - LUẬT KINH TẾ	Luật kinh tế	Luật kinh tế	125	7,3	2,63	Khá	
570	DTE2253801070039	Phạm Thị Như Quỳnh	08/03/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - LUẬT KINH TẾ	Luật kinh tế	Luật kinh tế	125	8,58	3,62	Giỏi	Hạ hạng tốt nghiệp

STT	Mã số sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp	Ngành đào tạo	Chương trình đào tạo	Số tín chỉ tích lũy	Điểm trung bình chung tích lũy hệ 10	Điểm trung bình chung tích lũy hệ 4	Xếp hạng tốt nghiệp	Ghi chú
571	DTE2253801070006	Hoàng Thị Sinh	25/08/2004	Hà Giang	Nữ	Giáy	K19 - LUẬT KINH TẾ	Luật kinh tế	Luật kinh tế	125	8,38	3,53	Giỏi	
572	DTE2253801070072	Hà Thị Thành Tâm	10/05/2004	Thái Nguyên	Nữ	Tày	K19 - LUẬT KINH TẾ	Luật kinh tế	Luật kinh tế	125	7,78	3,08	Khá	
573	DTE2253801070042	Phạm Lê Phương Thảo	09/04/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - LUẬT KINH TẾ	Luật kinh tế	Luật kinh tế	125	7,34	2,71	Khá	
574	DTE2253801070060	Nông Thị Thính	29/02/2004	Thái Nguyên	Nữ	Tày	K19 - LUẬT KINH TẾ	Luật kinh tế	Luật kinh tế	125	7,42	2,85	Khá	
575	DTE2253801070034	Trần Xuân Thu	05/11/2004	Thái Nguyên	Nữ	Sán chay	K19 - LUẬT KINH TẾ	Luật kinh tế	Luật kinh tế	125	8,45	3,56	Giỏi	
576	DTE2253801070045	Nguyễn Thị Thùy	20/12/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - LUẬT KINH TẾ	Luật kinh tế	Luật kinh tế	125	8,79	3,7	Xuất sắc	
577	DTE2253801070044	Nguyễn Hồng Thương	14/12/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - LUẬT KINH TẾ	Luật kinh tế	Luật kinh tế	125	7,54	2,85	Khá	
578	DTE2253801070027	Nguyễn Trí Trung	25/07/2004	Hung Yên	Nam	Kinh	K19 - LUẬT KINH TẾ	Luật kinh tế	Luật kinh tế	125	7,23	2,68	Khá	
579	DTE2253801070002	Nguyễn Thị Phương Hằng	18/03/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - LUẬT KINH TẾ	Luật kinh tế	Luật kinh tế	125	6,96	2,51	Khá	
580	DTE2253404030001	Bế Tùng Anh	05/10/2004	Lạng Sơn	Nam	Tày	K19 - QUẢN LÝ KINH TẾ	Quản lý công	Quản lý kinh tế	125	8,85	3,8	Xuất sắc	
581	DTE2253404030003	Nguyễn Phương Huyền Chi	24/12/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - QUẢN LÝ KINH TẾ	Quản lý công	Quản lý kinh tế	125	7,5	2,92	Khá	
582	DTE2253404030046	Trần Thị Mai Chi	08/11/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - QUẢN LÝ KINH TẾ	Quản lý công	Quản lý kinh tế	125	6,64	2,34	Trung bình	
583	DTE2253404030007	Ngô Thùy Doan	21/05/2004	Thái Nguyên	Nữ	Sán Diu	K19 - QUẢN LÝ KINH TẾ	Quản lý công	Quản lý kinh tế	125	7,63	2,9	Khá	
584	DTE2253404030008	Nguyễn Thu Hằng	11/04/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	K19 - QUẢN LÝ KINH TẾ	Quản lý công	Quản lý kinh tế	125	7,25	2,74	Khá	
585	DTE2253404030009	Phạm Thị Hiền	02/01/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - QUẢN LÝ KINH TẾ	Quản lý công	Quản lý kinh tế	125	8,6	3,6	Xuất sắc	
586	DTE2253404030010	Trần Thị Thanh Hoa	05/11/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - QUẢN LÝ KINH TẾ	Quản lý công	Quản lý kinh tế	125	7,61	2,96	Khá	
587	DTE2253404030052	Lê Thị Mai	12/02/2004	Tuyên Quang	Nữ	Dao	K19 - QUẢN LÝ KINH TẾ	Quản lý công	Quản lý kinh tế	125	7,05	2,58	Khá	
588	DTE2253404030053	Sùng Seo Minh	16/07/2004	Tuyên Quang	Nam	Mông	K19 - QUẢN LÝ KINH TẾ	Quản lý công	Quản lý kinh tế	125	7,85	3,13	Khá	
589	DTE2253404030016	Nguyễn Trà My	10/10/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - QUẢN LÝ KINH TẾ	Quản lý công	Quản lý kinh tế	125	7,36	2,78	Khá	
590	DTE2253404030019	Mạc Thanh Nguyên	21/09/2004	Thái Nguyên	Nam	Sán Diu	K19 - QUẢN LÝ KINH TẾ	Quản lý công	Quản lý kinh tế	125	8,27	3,44	Giỏi	
591	DTE2253404030020	Trần Thị Thùy Nhung	28/08/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - QUẢN LÝ KINH TẾ	Quản lý công	Quản lý kinh tế	125	8,17	3,27	Giỏi	
592	DTE2253404030041	Hoàng Như Quỳnh	08/08/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - QUẢN LÝ KINH TẾ	Quản lý công	Quản lý kinh tế	125	8,14	3,26	Giỏi	
593	DTE2253404030025	Đình Thị Hương Thảo	17/06/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - QUẢN LÝ KINH TẾ	Quản lý công	Quản lý kinh tế	125	7,81	3	Khá	
594	DTE2253404030028	Đoàn Thị Huyền Thương	12/08/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - QUẢN LÝ KINH TẾ	Quản lý công	Quản lý kinh tế	125	6,92	2,42	Trung bình	

Số và ký hiệu: 675/QĐ-ĐHK&QTKD-ĐT
Ngày ban hành: 15/06/2026

STT	Mã số sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp	Ngành đào tạo	Chương trình đào tạo	Số tín chỉ tích lũy	Điểm trung bình chung tích lũy hệ 10	Điểm trung bình chung tích lũy hệ 4	Xếp hạng tốt nghiệp	Ghi chú
595	DTE2253404030031	Phạm Quỳnh Trang	02/11/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	K19 - QUẢN LÝ KINH TẾ	Quản lý công	Quản lý kinh tế	125	7,43	2,82	Khá	

Ấn định danh sách 595 sinh viên./.